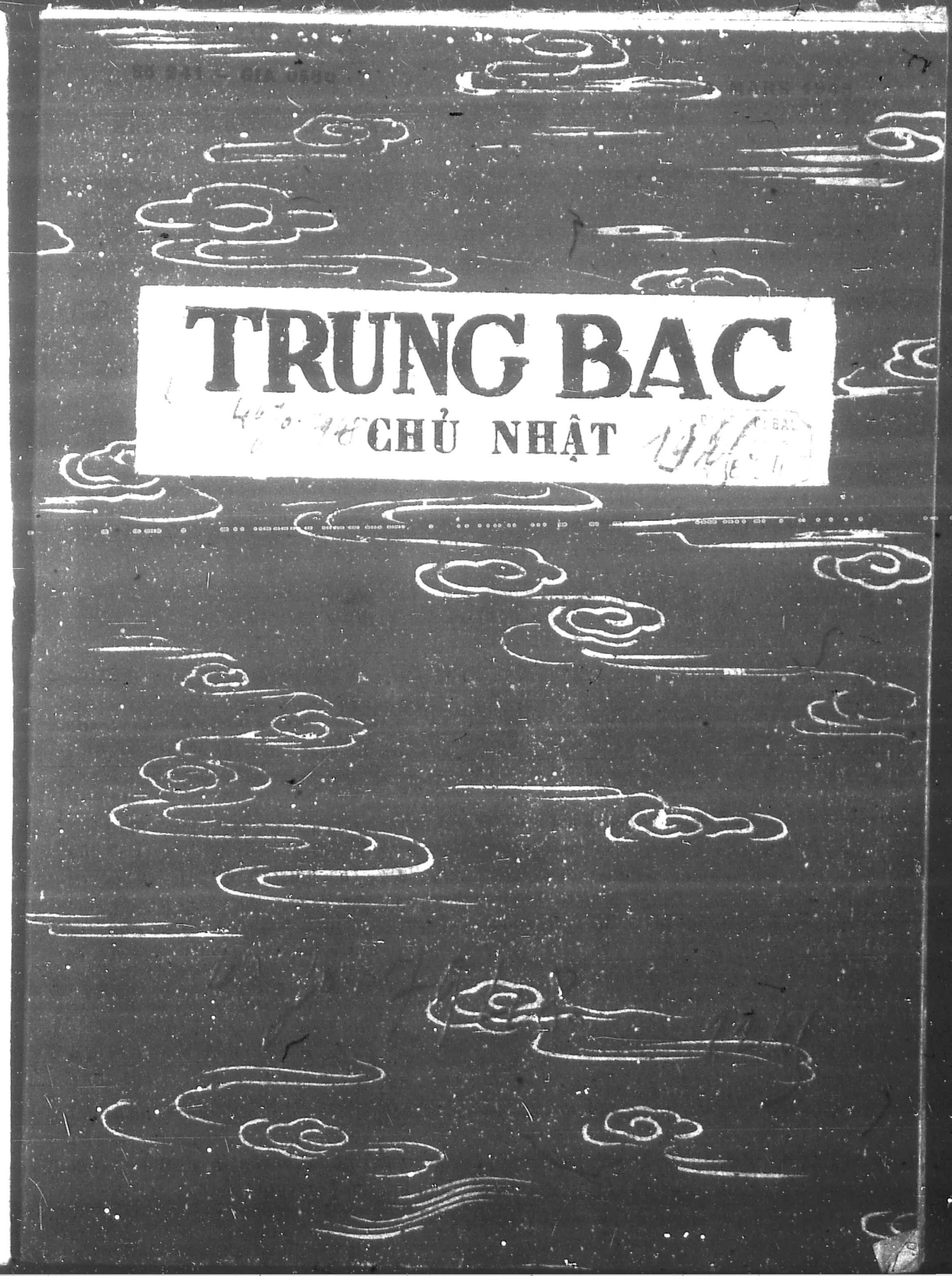




TRUNG BAC

4070.948 CHỦ NHẬT

Tuân - lễ Quốc - tế

Trong tuần lễ vừa qua trên trường quốc-tế đã xảy ra nhiều việc trọng-dại đáng cho ta chú ý. Trước hết là việc Thổ-nhĩ-kỳ và Ai-cập tuyên chiến với Đức và các nước còn lại về phe Trục. Việc này người ta dự đoán từ lâu. Thổ và Ai-cập đã đợi đến lúc cuối cùng mới hành động, lúc mà các nước đồng-minh, sau cuộc hội-nghị Yalta, đã cảnh cáo rằng chỉ những nước nào tuyên-chiến với Đức trước ngày 1er Mars 1945 mới được mời dự hội-nghị San Francisco và các hội-nghị sẽ định đoạt số phận thế-giới sau này. Việc này tuy về mặt quân-sự không thể làm thay đổi tình-thế chiến-tranh một cách rõ rệt hơn nhưng về mặt kinh-tế thì sẽ có ảnh-hưởng lớn. Lần lượt ta thấy hầu hết các nước Âu-châu trước kia có cảm-thức với Đức nay cũng đều đã tuyệt-giao với Đức nếu không tuyên-chiến hẳn.

Hiện nay đang trung-lập ở Âu châu chỉ còn có Tây-ba-nha. Địa vị Tây sẽ rất khó xử vì đại-tướng Franco người cầm đầu Tây-ba-nha bây giờ đối với nước Đức quốc xã còn mang nặng cái ơn đã cứu giúp cho mình trong mấy năm nội-chiến chống với phái tả và Mạc-tư-khoa.

Về tình hình các mặt trận thì ở Tây Âu quân Mỹ đã bắt đầu tấn công ở miền sông Roor. Hiện quân Mỹ đã qua sông và chiếm được Juliers một thị-trấn trọng yếu cũng chiếm nữa thành Duren.

Ở miền sông Sarre, quân Đồng-minh đã vượt qua sông đó ở nhiều chỗ nữa và đã chiếm Sarrebourg, Ockfen và Serrig.

Lở quân Mỹ thứ bảy đã chiếm xong Forbach và đang tiến về phía Sarrebruck.

Về mặt trận phía Đông các tin sau cùng

cho ta biết Hồng-quân sau khi nã hãm thành Poznan hơn một tháng đã chiếm xong thành đó. Số quân Đức tại trận có tới 35.000 người, số bị bắt tằm từ binh tới 310.000 người ngoài ra lại còn rất nhiều chiến-cụ bị hủy hoặc bị Hồng-quân bắt được.

Tại Breslan, Hồng-quân đã liên tục vào các khu phía Nam thành phố và đang tiếp tục việc trừ diệt quân Đức ở thành đó. Hồng-quân vừa chiếm được Gubers một pháo đài dùng làm bình phong cho kinh thành Ba-linh về mặt Đông Nam. Trong khoảng 40 ngày gần đây quân Đức đã bị chết 80 vạn và bị bắt làm tù binh 350.000. Tại Ba-linh đã thiết quân luật để tránh mọi cuộc nổi loạn của thợ thuyền ngoại quốc. Nhưng theo một tin Istanbul thì hiện trong quân đội Đức có cuộc nổi loạn lớn và đó 2 sư đoàn đã bỏ trốn không chịu chiến đấu.

Vừa rồi trong một cuộc hội nghị báo giới, đại-Tướng Mỹ Eisenhower Tổng tư lệnh quân đồng-minh ở Tây Âu đã tuyên bố về tình hình các mặt trận. Theo lời tuyên-bố đó thì nếu quân Đức không thể đem thêm viện binh đến được, chẳng bao lâu nữa quân đồng-minh sẽ tiến sát đến bờ sông Rhin. Cuộc tấn công của Đức ở miền Ardennes đã làm cho quân Đức bị thiệt hại lớn cả về số quân và chiến-cụ. Đại-Tướng Mỹ dự đoán rằng quân Đức sẽ chiến đấu rất nặng nhọc đến cùng, có lẽ sau khi các đạo quân đồng-minh đã liên lạc với quân Nga ở giữa nước Đức, cuộc chiến đấu đó vẫn tiếp tục. Cuối cùng Tướng Mỹ nói quân đồng-minh vẫn liên lạc với quân Nga một cách rất mật thiết.

Ở Thái bình dương, cuộc chiến đấu trên đảo Iwojima ngày một thêm kịch liệt và tình hình chiến tranh ở khu Manila và Corregidor trên đảo Luzon vẫn chưa thay đổi mấy.

SAU CUỘC HỘI-NGHỊ TAM CƯƠNG Ở YALTA

NỀN HÒA-BÌNH VÀ CUỘC TRI-AN QUỐC-TẾ

sau cuộc đại-chiến này sẽ tổ chức thế nào ?

Trong lúc dân Việt-nam ta đang ăn Tết nguyên-đán và nô-oai đón mừng xuân Ất-dậu thì trên bờ biển Bắc-hải, trong bán đảo Crimée thuộc đất To Nga, ở Yalta đã có một cuộc hội-nghị giữa các vị thủ-lãnh của ba nước đồng-minh Anh, Mỹ, Nga là các ông Churchill, Roosevelt và Staline. Cuộc hội-nghị này rất quan hệ vì các vấn đề đem bàn định ở Yalta toàn là những vấn đề có liên lạc đến cuộc thế-giới đại chiến này, đến vận-mệnh nhân-loại và cách tổ chức nền hòa bình cũng cuộc tri-an quốc-tế sau khi chiến-tranh đã kết liễu. Đó là cuộc gặp gỡ thứ hai giữa ba vị quốc-rường các nước Anh, Mỹ, Nga từ khi xảy cuộc chiến tranh và có Nga và Mỹ dự vào. Cuộc hội-nghị này ba thứ nhất đã họp ở Téhéran kinh-phố Ba-lu vào hồi cuối năm 1943.

Hội-nghị Yalta càng quan hệ hơn là vì nó sẽ họp vào giữa lúc tình hình chiến-tranh ở Âu-châu đã bước vào thời-kỳ quyết liệt và cuộc thắng lợi đã ngã hẳn về phe các nước đồng-minh vẫn gọi là dân chủ. Như các tin tức gần đây thì một mặt Hồng-quân không những đã giải phóng được đất nước Nga mà cả cho nhiều nước khác ở trung Âu như Ba-lan, Lỗ, Tiệp, Nam-tư, Hung-giá-ly tránh khỏi cuộc chiếm cứ của quân Đức. Một mặt quân Anh, Mỹ, Pháp đã khôi-phục được đất các nước Pháp, Bỉ, Ma-lan, Ý, Hi-lạp, và nhiều đảo trong miền Địa-trang-hải. Nước Đức quốc-xã hiện đang trong một tình thế rất nguy ngập nên ta không nói ta thất vọng hẳn. Dân Đức hiện nay đang gặp nhiều sự khốn-khẩn về quân-sự và kinh-tế. Các đoàn quân quốc-xã trong mấy năm

1940, 1941, 1942 và một phần 43 đã làm mưa gió và chinh phục hầu khắp Âu-châu vậy đến tận bờ biển Đại-tây-dương, đồng đến sông Voiga và châu núi Caucasie, bắc đến bán-đảo Scandinave nước Phần-lan và nam đến tận Hi-lạp và các đảo trong Địa-trang-hải nay phải rút lui về giữ thế thủ và chống nạn xâm lăng của quân đồng-minh từ ba mặt tiến vào đất Đức. Các miền mỏ than, mỏ dầu và kỹ-nghệ chiến-tranh của Đức hoặc đã vào tay Hồng-quân hoặc bị quân Anh, Mỹ đánh phá hàng ngày rất dữ dội. Vì đó mà số đầu cốt của Đức hàng tháng đã giảm mất tới 150 000 tấn và hiện nay Đức phải hạn chế việc đào không-quân và các đội quân thiết-bị giáp ngoài các mặt trận. Về rồi Hồng-quân lại chiếm được nhiều miền Đông-Phổ và ở phía Đông cũng Đông Nam Đức là những miền phì nhiêu và có nhiều mỏ than của Đức nên số dân lãnh nạn sang miền Tây Đức càng ngày càng nhiều và các thực-phẩm cũng các vật liệu cần dùng ngày càng thêm khan. Trước tình thế đó, các nhà cầm quyền Anh, Mỹ, Nga trong khi hội-hợp ở bán đảo Crimée đã dự tính đến lúc quân Quốc-xã phải đình chiến và Đức phải đầu hàng không điều kiện. Các nước đồng-minh lại nghĩ cả đến việc chia nhau chiếm cứ và cai trị đất Đức và tìm cách nào để làm cho người Đức không thể nào quay rồi hòa bình Âu-châu như ở trước đến nay nữa.

Bản tuyên-ngôn chung của ba nước Anh, Mỹ, Nga

Sau khi hội-nghị tam-cương ở Crimée bế mạc, ba vị thủ-lãnh ba nước Anh, Mỹ, Nga là các ông Churchill, Roosevelt và

Statue đã cùng công bố một bản tuyên ngôn rất quan trọng cho việc tổ chức nền hòa bình và cuộc trị an quốc tế sau cuộc đại chiến này. Bản tuyên ngôn đó tưởng ai là người thường nghĩ đến tình hình quốc tế trong lúc này cũng đều nên biết qua một phần. Chúng tôi theo các tin tức hàng ngày thu thập qua lại dưới đây những đoạn cốt yếu trong bản tuyên ngôn đó.

Đoạn thứ nhất bản tuyên ngôn nói rằng: « Chúng tôi đã nghiên cứu kỹ và y chuẩn các chương trình bình bị của ba cường quốc đồng minh để đi tới cuộc thất bại cuối cùng của kẻ thù chung. Các bộ tham mưu của các nước đồng minh đã họp bàn hàng ngày trong suốt khi Đại hội họp ở Grimee. Các cuộc hội họp đó đã có kết quả mỹ mãn về mọi phương diện và kết liễu bằng sự liên lạc một thể hơn lúc nào hết của sự cố gắng về binh bị của các nước đồng minh. Đại biểu ba nước đã đồng ý và định rõ hẳn đến rồi nào thì lực quân và phi quân đồng minh sẽ đánh những trận mạnh hơn nữa vào giữa đất Đức và đồng thời sẽ đánh từ các mặt Đông, Tây, Nam, Bắc mà đổ vào.

Các chương trình quân sự đã khi nào đem thi hành mới công bố. Cuộc hợp tác mật thiết của các bộ tham mưu đồng minh trong cuộc hội nghị ở Grimee sẽ làm cho chiến tranh rất ngắn đi. Về sau này đến lúc nào cần, các bộ tham mưu đồng minh sẽ họp bàn lại.

Án nước Đức đã xét xong. Dân Đức càng kháng chiến một cách thất vọng bao nhiêu thì sẽ phải trả giá sự thất bại sau này bằng một giá nặng nề bấy nhiêu. Đại biểu các nước đồng minh đã đồng ý về chính sách và chương trình chung để ấn định cuộc dẫn hàng không điều kiện của Đức sau khi đã thắng nổi cuộc kháng chiến bằng binh khí của quân đội Đức. Đến lúc nào Đức thua hẳn thì nội dung cuộc dẫn hàng đó mới công bố ra.

Theo các chương trình đã y chuẩn thì mỗi đạo quân đồng minh sẽ chiếm đóng một khu đã định rõ trên đất Đức. Đã dự định sẽ có một nền cai trị và một cuộc kiểm soát theo mệnh lệnh của một ủy ban

kiểm soát trung ương gồm các viên Tổng tư lệnh các đạo quân đồng minh đặt dưới ban doanh ở Ba-linh.

Các nước đồng minh đã định sẽ mời nước Pháp, nếu nước Pháp muốn đi dự vào cuộc chiếm đóng đất Đức và dự vào ủy ban kiểm soát Đức. Các bộ tham mưu quân Pháp chiếm đóng sẽ do các đại biểu của bốn cường quốc trong Ủy ban sẽ vấn Âu châu ấn định rõ.

Mục đích không thay đổi của các nước đồng minh là phá tan hẳn chủ nghĩa quân phiệt và chủ nghĩa quốc xã Đức và làm cho Đức không thể nào quay trở lại hòa bình thế giới được nữa.

Đồng minh quyết sẽ bãi binh Đức và giải tán hết các đạo quân Đức và giải tán hẳn cả bộ tham mưu Đức là cơ quan từ trước đến nay vẫn tìm cách khôi phục lại chủ nghĩa quân phiệt của Đức, sẽ đòi hỏi và phá hủy các thủ nghĩa cụ Đức sẽ trừ diệt và kiểm soát tất cả các kỹ nghệ Đức có thể dùng về việc xuất sản chiến tranh, sẽ đem xét xét hết cả những người cư tại đã gây ra chiến tranh và kết án những kẻ đó, sẽ yêu cầu Đức phải bồi thường về tất cả những sự tàn phá do Đức gây nên, sẽ trừ diệt đảng Quốc xã, các đạo luật, các cơ quan và tổ chức Quốc xã, trừ hết mọi ảnh hưởng Quốc xã và quân nhân trong nền hành chính và đời sống văn hóa cũng kinh tế của dân Đức. Đồng minh lại cùng dự định mọi phương pháp khác có thể cho là cần cho nền hòa bình tương lai và cuộc trị an trên thế giới. Mục đích các nước đồng minh không phải là định gặt dân tộc Đức nhưng phải đến lúc nào trả xong chủ nghĩa quốc xã và quân phiệt thì người Đức mới có thể hy vọng sinh sống và có một địa vị trong hàng các nước được.

Đồng minh đã xét đến các vấn đề các sự thiệt hại do Đức gây nên cho các nước đồng minh trong cuộc chiến tranh này và đều công nhận rằng việc bắt Đức phải bồi thường các sự thiệt hại đó được chừng nào càng hay là việc đáng. Sẽ lập một ủy ban ấn định các khoản bồi thường đó, ủy ban này có trách nhiệm xét các vấn đề

trị giá và thi hành việc bồi thường, ủy ban sẽ lập ở Mạc-tu-khoa.

Vấn đề tổ chức hòa bình và cuộc trị an quốc tế

Các vị thủ lĩnh ba nước đồng minh lại quyết định rằng khi nào có thể được sẽ tổ chức thế giới theo một chương trình chung để giữ hòa bình và cuộc trị an quốc tế. Việc đó rất cần thiết vừa là để đề phòng các cuộc xâm lăng vừa là để trừ hết mọi nguyên nhân chính trị, kinh tế và xã hội của chiến tranh bằng cuộc hợp tác mật thiết và liên tiếp của tất cả các dân tộc yêu hòa bình. Nền tảng tổ chức quốc tế đó đã bắt đầu xây dựng ở Hội nghị Dumbarton Oaks. Tuy vậy vẫn chưa đi đến được sự đồng ý trong vấn đề quan trọng từ là vấn đề thủ tục sẽ thi hành. Tại hội nghị này lại bàn đến việc giải quyết sự khó khăn đó. Các nước đồng minh đã định rằng đến 26 Avei này sẽ họp một hội nghị giữa các nước đồng minh tại Cựu-kim-sơ để thảo luận chương trình về công cuộc tổ chức đó theo các nguyên tắc đã đề nghị trong các cuộc đàm phán ở Dumbarton Oaks.

Chính phủ Trung-hoa và chính phủ lâm thời nước Pháp sẽ được hỏi ý kiến ngay và sẽ được mời dự vào cuộc hội nghị đó cùng với các nước Anh, Mỹ, Nga. Ngay sau khi đã hỏi ý kiến hai chính phủ Trung-hoa và Pháp, sẽ công bố bản kế các đề nghị về thủ tục sẽ thi hành. Đại biểu các nước đồng minh đã lập và ký vào bản tuyên ngôn của Âu-châu đã giải phóng.

PHÒNG XEM BỆNH BÁC-SỸ PHÁT

21 phố hàng Bạc
(Lý-thường-Kiệt),
sơ phố Sinh-tử,
cạnh viện Tổ-nhinh.

Buổi sáng: từ 7 giờ đến 10 giờ 30
Buổi chiều: từ 4 giờ đến 7 giờ

Bản tuyên ngôn đó dự định một chính sách hợp tác giữa ba cường quốc và một cuộc hành động chung để giải quyết các vấn đề chính trị và kinh tế của Âu-châu đã giải phóng theo đúng các nguyên tắc dân chủ. Bản tuyên ngôn đó như sau này:

« Quốc trưởng Tô Nga, Thủ-tướng Anh, và Tổng-Thống Hoa-kỳ đã cùng hỏi ý kiến vì quyền lợi chung của các nước đó và các dân tộc trong Âu-châu đã giải-phóng. Đại biểu ba nước đã cùng đồng ý về việc thi hành một chính sách chung trong buổi tạm thời và chưa vững vàng ở miền Âu-châu đã giải phóng để giúp cho các dân tộc đã được giải phóng khỏi cuộc chiếm cứ của Đức và cả các dân tộc các nước trước kia theo vào Trục giải quyết bằng những phương pháp dân chủ các vấn đề chính trị và kinh tế cần kíp của các nước đó.

Việc dựng lại nền trật tự Âu-châu và xây dựng lại đời sống kinh tế quốc gia sẽ phải thực hiện theo những phương pháp và bằng cách nào để cho các dân tộc đã được giải phóng có thể phá hủy hết những di tích cuối cùng của chủ nghĩa Quốc xã và chủ nghĩa Phát-xít và lập nên những cơ quan dân chủ theo ý mình lựa chọn lấy.

Đó là nguyên tắc trong bản tuyên ngôn Đại tây dương: quyền của các dân tộc được lựa chọn chính thể hợp với ý muốn mình, khôi phục lại chủ quyền và quyền tự trị cho các dân tộc đã bị các nước xâm lăng dùng vũ lực mà cướp mất. Muốn gây nên những điều kiện khiến cho các dân tộc được giải phóng có thể đi đến chỗ nương các quyền lợi nói trên, ba chính phủ đồng minh sẽ cùng giúp cho các dân tộc Âu châu được giải phóng và các nước đã từng theo Trục, theo ý kiến của các đại biểu ba nước thì trong các nước đó phải cần có những điều sau này:

- 1) Lập nên những điều kiện hòa bình.
- 2) Thi hành các phương pháp khẩn cấp để cứu giúp nạn nhân khổ sở.
- 3) Hợp những chính phủ lâm thời trong đó có tất cả phần tử dân chủ trong dân gian dự vào và đảm bảo cuộc bầu cử tự do để lập những chính phủ hợp với nguyện vọng của dân chúng.

4) Tại những nơi cần phải có sẽ làm cho dễ dàng việc tổ chức các cuộc bầu cử tự do ấy.

Ba chính phủ đồng - minh sẽ hội ý kiến các nước liên minh khác và các chính - phủ làm thời hoặc các chính - phủ khác ở Âu-châu mỗi khi phải xét đến những vấn đề có liên can thẳng đến các nước đó. Khi nào theo ý kiến ba chính phủ, tình thế của một nước nào ở Âu châu giải phóng hoặc của một nước nào trước kia theo Trục kiến cho cần phải hành-dộng như thế thì ba cường quốc sẽ hội ý kiến nhau về những phương pháp phải thi hành để cùng chia những trách nhiệm chung để giữ hay trong bản tuyên ngôn này.

Do bản tuyên ngôn này đại biểu ba nước nhắc lại sự tin tưởng vào những nguyên tắc của hiệp ước Đại Tây dương và trong bản tuyên cáo với các nước yêu hòa bình khác, đại biểu ba nước nhắc lại lời cam kết sẽ lập một nền trật tự thế giới mà mục đích là hòa bình, sự an toàn, sự tự do và hạnh phúc chung của cả nhân loại. Công bố bản tuyên ngôn này, ba cường quốc tỏ ý mong rằng chính phủ làm thời nước Pháp sẽ hợp tác với ba cường quốc trong việc tiến hành công cuộc đó. Đến hợp hội-ngiại ở Crimée, đại biểu ba cường quốc đã định sẽ có giải quyết xong những sự tương phản về ý kiến trong vấn đề đó về đủ mọi phương diện và nhắc lại ý kiến trong vấn đề Balan. Các đại biểu đã xét vấn đề đó về đủ mọi phương diện và nhắc lại ý muốn chung sẽ khôi phục lại một nước Ba-lan mạnh, tự do, độc lập và dân chủ.

(Xin miễn dịch đoạn nói riêng về Balan Nam - tư - lập - phà và vấn đề Ba-nhi-cán vì chỉ quan hệ đến các nước đó mà thôi).

Trong đoạn kết, bản tuyên ngôn nói rằng: Cuộc hội-ngiại tại Crimée đã tỏ rõ một lần nữa ý muốn chung của ba cường quốc về việc giữ nguyên và tăng thêm trong thời kỳ hòa bình sự duy nhất về mục đích và hành động đã kiến

cho các nước liên-minh có thể nắm chắc sự toàn thắng trong cuộc chiến tranh này. Đó là một sự bắt buộc thẳng liêng mà ba chính phủ phải tuân theo vì quyền lợi của dân bà cường quốc và quyền lợi chung của tất cả các dân tộc trên thế giới.

Chúng tôi chỉ mong rằng vì cuộc hợp tác vững vàng và sự hiểu thấu sâu xa giữa ba cường quốc và giữa các nước yêu mến hòa bình hi vọng tối cao của nhân loại mà hòa bình và sự trị an viên sẽ có thể thực hiện được. Mục đích đó đã giải tỏ rõ ràng trong bản ước Đại Tây dương bằng mấy dòng này: « Bảo đảm rằng mọi người ở trong tất cả mọi nước có thể sống tự do xa hẳn sự sợ hãi và cần dùng ». Nên nhận rõ rằng cuộc thắng lợi trong cuộc chiến tranh này và công cuộc tổ-chức quốc tế đã đề nghị trên kia sẽ giúp cho thế giới trong những năm sắp tới có thể thực hành được các điều kiện cần thiết cho một nền hòa bình như thế ».

(xem tiếp trang 27)

BÁ CỐ BẢN:

Chơi Giữa Mùa Trăng

của HÂN-MẶC-TỬ

CHỌN BẠN TÌNH

(Hoffmann)

VŨ NGỌC-PHÂN dịch

THƠ CHO MỘT THANH-NIÊN ĐỒNG THỜI

của NGUYỄN-ĐỨC-CHÍNH

NẾM NGREO

của TÔ HOÀI

ĐANG IN:

KHOA-HỌC CHIẾN-TRANH

(có 16 phụ bản tranh-bày Bối tác giả)

của HUỖN-TÍNH

ĐỪ - HƯƠNG

TÂN-HOÀI Bình-chợ

Y-VĂN HOA

VŨ-NGỌC-PHÂN dịch

Nhà xuất-bản - NGÀY-MƠI

Giám-đốc: NGUYỄN-NGỌC-CHƯƠNG

151 đường Henri d'Orléans - HANOI

NÊN NHỎ ĐỂ MỘT ĐIỀU TIN TƯỞNG SAI LAM

QUÝ HÓA GÌ NHỮNG ĐỜI ĐƯỜNG NGU TAM-ĐẠI MA TA HAY AO-ƯỚC!

Sự mong mỏi của thiên-hạ luôn luôn là mới lạ, lần tới, con cháu muốn giỏi hơn ông bà, tương lai tốt đẹp hơn hiện-tại, nghĩa là người ta mong tiến hóa mãi không ngừng. Trái lại, sự mong mỏi của ba con nhà ta, phần nhiều là đi giật lùi: sống bây giờ mà không lo mở mang công-đoàn trước mắt, lại giành chỗ tức muốn những ngày mà-mít đã qua.

Chẳng thế mà đến thời-dại này còn nghe trong dân-gian ta có những tiếng than vãn ao ước trở lại làm người ở đời Đường Ngu Tam đại, tức là khoảng đời từ Nghiêu Thuấn đến Hạ, Thương, Chu. (2557-247 trước Tây-lịch kỷ-nguyên). Không thiếu gì người vịnh thơ, làm văn, đặt bài ca, dân ca đối, tổ sự ước muốn giật lùi ấy. Vì sao? Vì người ta tin tưởng ở đời Ngu Tam-đại là đời hết sức thái-bình thịnh-trị dân hết sức yên ổn sung sướng, ai nấy chỉ có việc ngày làm tối nghỉ, ăn no rồi vỗ bụng hát nghêu-ngao, chẳng phải phiền hà lo nghĩ gì cả.

Đây là một tín niệm của nho-gia truyền sang đại-chúng, trải bao nhiêu đời nay, chẳng những ở xứ ta, ngay ở Trung-quốc cũng thế. Tín-niệm ấy do ở lòng chán ghét thất-quá. Trong trí-nhệ nho-gia đóng đinh tin tưởng Đường Ngu Tam-đại là « thời đại hoàng-kim », văn-minh thịnh-trị nhất cả lịch-sử Trung-quốc, nhất thiết chế-độ lễ-nghĩa đều đang làm gương và người làm dân ở đời ấy rất mực yên vui thoải-hoai, vả sau không có đời nào

được như thế nữa. Bởi vậy, người ta cố lấy Đường Ngu Tam-đại làm khuôn mẫu, và mỗi khi thấy ở đời mình có điều gì bất như ý, người ta không tìm cách đánh ngã nó đi, hẳn xây dựng ngay mai sáng-sủa tốt đẹp hơn, chỉ thiết tha ao ước làm sao trở lại làm dân Nghiêu, Thuấn, Vũ, Thương.

Nhưng có thật người dân ở những đời ấy sung sướng hay không?

Có thật Đường Ngu Tam-đại là « Hoàng-kim thời-dại » hay không?

Muốn đáp hai câu hỏi ấy, chúng ta không phải tìm chứng cứ đâu xa; cứ lấy ngay kinh sách làm nguồn gốc tin tưởng của người ta mà xem, đã thấy sự thật trái lại.

Ở đời chúng ta, có phương pháp trị thủy bằng khoa-học, vậy mà những cơn sóng lớn như Hoàng-hà, Dương-tử hóa Tầu, Nhị-hà Cửu-long xù ta, dâng lên tràn ngập vùng này, lở cuốn mùa màng nhàu nát cả vùng ấy, làm cho dân-tình đói rét xiêu bạt khắp khổ. Nói gì ở đời Nghiêu Thuấn, khắp Trung-quốc chìm đắm về nạn hồng-thủy thao-thiên, kéo dài mấy chục năm không ngớt, đến nỗi độc-xà mãnh-thú ở lẫn với người và người phải ăn thịt lẫn nhau, như thế quyết-niên không phải là đời mà kẻ làm dân được sống no đủ sung sướng!

Hà-Do được vua Nghiêu muốn nhường
thiên-hạ cho mà nâng-nặng từ chối, chạy
đi ra sông rửa tội, chẳng phải là chế
ngôi vua hay là sao-thượng gì cả, có lẽ
ông ta thấy đương-thời hồng-thủy quá
to, dân-sinh quá khổ, tự nghĩ mình
không thể làm sao khác hơn vua Nghiêu,
nên chỉ không dám nhận lấy trách-
nhiệm thiên-hạ đây thôi.

Đến dân Tam-đại càng thảm-khổ hơn.

Thử xem kinh Thái 300 thiên, trừ ra
những bài thơ tụng công, yển khác,
tổ tở, chúc thần, là hạng văn chương
khai-giáo thù-tặc, ta thấy có vẻ ung-dung
hòa-bình; với lại những bài thơ tả tình
trai gái nghe ra đắm thắm vui vẻ; còn
thi nói về chính-trị xã-hội, phơi bày
cảnh khổ của người đời bấy giờ thật
đáng ái-ngại xót thương.

Vì dụ thơ *Đường* kể chính-sự dân-tinh
ở đời Thương, mà có những câu như
« nước sôi canh nóng », như « người

đời nay có tội gì », như « anh-sự càng
tệ », như « thương kẻ hạ dân, bụng to
không ngót » v... v... những lời than
vãn như thế, há phải là tâm-thanh của
một xã-hội yên ổn sung sướng đây ư ?

Hán-uho cổ bênh vực điều tin-tưởng
Tam-đại là « thời-đại hoàng kim », cho
nên bảo những bài thơ tả cảnh dân-gian
bi khổ trong kinh Thái, đều là thuộc về
đời hai vua U, Lệ phàm Chu, còn ở triều
vua khác thì sự sống của dân luôn luôn
thái-bình hoan lạc.

Được rồi, chúng ta đọc ngay thơ Mân-
phong Thất-nguyệt của ông thánh Chu-
công làm ra, để ca-tụng vương-nghiệp,
thử xem dân-tinh lúc ấy thái-bình hoan-
lạc ra thế nào ?

Trong bài thơ đó, kể chuyện nông-dân
đi săn, bắt được con heo rừng to béo,
phải đem dâng ông địa-chủ (trong thơ
gọi là công), tự mình chỉ giấu diếm một
con heo nhỏ, đem về mổ ăn với nhân
dã là may phúc. Quanh năm họ phải
đem thân nai sức, tâm việc khó nhọc,
để nuôi sự no béo của các địa-chủ và
công-tử, mà bản thân phải chịu đói rét.

Này nhé, mùa xuân họ phải đi hái
dâu, tháng 3 phải lo nhuộm vải, để các
công-tử may áo, đến tháng 11 lại đi săn
bắn lấy da chồn ca cáo để làm áo ngự
hàn cho công-tử. Lợi nghiệp họ chỉ
những cơm nhà việc người như thế mà
hết cả năm; tháng chạp đến nơi rồi,
chính họ một manh áo vải che thân
không có, tới nước thở than « Vô y vô
cát, hà dĩ tốt tảo ! »

Nhưng chưa phải thế là hết. Tháng
10, nông-sự xong xuôi, họ lại tiến lưng
gao bị, đến nhà địa-chủ công-tử để sửa
sàng nhà cửa cho các ông, còn việc cày
đất gieo mạ chờ mình mùa sau thì hãy
để đó. Vợ con họ chui rúc trong lều
tránh vách đất, sợ rò rỉ qua mùa đông.
Phan dân-gian có nhau-sắc, đi hái

dâu ngoài đồng, họ ông địa-chủ công-
tử trông thấy vừa ý là cứ bắt ngang đem
về, mà người mất vợ mất con không
dám oán than, đòi hỏi. Trái lại, nhân
mùa gao mới, họ còn phải làm thật dè
moa để tới dâng nộp chúc mừng công-
tử là khác.

Ấy, giữa đời Vũ-vương Thành-vương
làm vua, Chu-công thánh-nhân làm
tướng, mà nông-dân vất vả điều đứng
như thế, nói gì đời nào ?

Nếu chúng ta đọc kỹ kinh Thư, dám
chắc tấm lòng ao ước làm dân Tam-đại
có nặng nài nấy, cũng phải nguội lạnh
như nước đá.

Thật thế, đời chúng ta muốn ăn mặc
thế nào tùy theo sở thích. Các ngài có
thể mặc tây, mặc ta, mặc Xiêm, mặc
Khách, hay là ông Lý muốn diện
áo gấm đi giầy bươm cũng mặc kệ ông.
Nhưng ở đời Tam-Đại theo *Vương chế*,
sự biến đổi y-phục là tội đi dầy. Chúng
ta sống ở đời nay tha hồ tự hợp bề bạn
uống rượu công-ty, nhưng ở đời Tam-
Đại không được tự do thế đâu. Thiên
Tứ cáo trong kinh Thư cấm hẳn tự-bà
uống rượu, ai phạm vào thì chết.

Vua Bàn-canh nhà Thương đời đó sang
đất Ân, đang tay đao-thải bằng cách

chém giết những người dân mà ông cho
là phản-tử xấu xa, cũng như ngày nay
ta gọi là thanh-tích bất hảo vậy. Nhưng
trên nhân từ ấy có phải toàn là trộm
cướp cả đâu, hẳn gồm cả những người
bất mãn về chính-trị đương thời, ông
Bàn-canh cũng thẳng tay đàn-áp đao-
thải, chẳng cần nhắc xét xét gì hết.

Luật-pháp đời Tam-đại càng nguy hiểm
cho người dân Thiên-Lữ-hình định lệ
tội này chuộc bao nhiêu tiền, tội kia
chuộc bao nhiêu tiền. Té ra tội gì cũng
có thể lấy tiền mua chuộc, thì sự yên
ổn của người lương-dân còn có đảm-bảo
gì ?

Tóm lại, dân Đường Ngu Tam-đại
thật không thái-bình sung sướng như
chúng ta mơ tưởng. Kỳ thật, kể làm
dân ở những đời ấy khổ nhất hạng.

Vì vậy mà thời thế bày ra tư-trào :
những người như Khổng Lão Dương
Mặc thấy dân-tinh khổ quá, mỗi ông bèn
xướng lên một học thuyết, một tư-tưởng,
tuy trái nhau, nhưng đến cái chủ-dịch
muốn độ thế cứu dân thì chỉ là một. Nội
lich-sử Trung-quốc, thời-đại ấy có cuộc
tư-tưởng phản-động to nhất, đẹp nhất,
chính vì dân-sinh khổ nhất mà ra vậy.

ĐÀO TRINH NHẤT

25-2-45 có bản:

KINH-TẾ THẾ - GIỚI

(1929-1934).

của NGUYỄN-HẢI-LÂN

CẤT NGHĨA CUỘC KHỦNG
HOẢNG TRONG KINH-TẾ
THẾ - GIỚI NHỮNG NĂM

1929 — 1934

— HAI - THUYỀN —

N. T. TIỀN-SINH — HANOI

Ngày Tết quý ngài chỉ nên dùng xi-gà hợp

EROS và VIRGINA

Xi-gà thơm, nhẹ, có tiếng, ai cũng ưa dùng hơn hết — Bán buôn tại :
PHÚC-LAI — 87, PHỐ HUẾ HANOI — TÉLÉPHONE : 974

Đuổi chân núi Mã-Yên, đôi bạn tri-âm BÀ-NHA TỬ-KỶ đã gặp nhau ở bên sông... chỉ vì
tiếng đàn huyền diệu! — Rồi cũng ở bên xưa... một mùa thu sau, đôi bạn đã gặp lại! — BÀ-
NHA cũng đôi định trăm nhưng... để khóc người tri-kỷ...

Muốn biết rõ đôi bạn tri-kỷ ấy xin các bạn hãy tìm đọc cuốn :

BÀ-NHA TỬ-KỶ
CA KỊCH LỊCH SỬ CỦA SỸ-TIỀN — GIÁ 2\$50

ĐI TÌM CÁ-TÍNH VIỆT-NAM

Đối với đoàn thể, là cá-nhân, tức là mỗi một người chúng ta, tức là mỗi một phần-tử của đoàn-thể.

Mỗi một người chúng ta, thiên-bẩm, nhân-cách, học-vấn, tư-tưởng... không ai giống hệt ai, cao thấp sâu rộng, mỗi người một khác nhau.

Cái khác nhau đó giữa cá-nhân này với cá-nhân khác, là cái dấu hiệu để phân-biệt người nọ với người kia, cũng chẳng khác gì cái tên gọi vậy.

Cái khác nhau đó, cái tính-cách riêng của mỗi một cá-nhân đó, người ta gọi là cá-tính, cũng là một thứ tên gọi, nhưng không như tên gọi là một phụ-hiệu hình-thức, cá-tính là một phụ-hiệu tinh-thần.

Tên gọi đặt ra để phân biệt người này với người kia, cá-tính phát-biểu ra trong hành-vi, tư-tưởng, giúp ta phân biệt tâm-thần tri-lý của người này với người khác. Người ta không ai không tên gọi, và cũng không ai không có cá-tính.

Mỗi người có một cá-tính.

Bất luận làm nghề nghiệp gì, hoạt động về ngành sinh-hoạt nào, tri-thức hay kinh-lẽ, nếu bỏ mất cá-tính của mình thì tức là a-dua, là « theo voi », theo dóm, là cam lăm trốn lộn tại tri minh, tư-cách mình với mọi người để làm một con cừu trong đàn cừu, một con cá mè trong loại cá mè, không có gì khác người và cũng không có gì hơn người cả.

Bỏ mất cá-tính tức cũng như bỏ mất cái tên, từ chối cái tên của mình, làm cho không ai nhận được mình nữa.

Nhưng khi nào thay đổi mấy người biết nghĩ như thế? Mấy người đã biết tin-trọng mình như đức Phật Thích-Ca Mâu-Ni, khi ngài trở lên trời trở xuống đất và trở vào thế Ngai mà nói:

« Thiên thượng địa hạ, duy ngã độc tôn »
Trên trời dưới đất duy có ta là quý,

Ta hay Ngã tức là Cá-tính mọi người ta cũng gọi là cái bản-ngã nghĩa là cái ta vốn có xưa nay, cái của mình thực, chứ không phải là mình mượn của ai.

Trái lại, nhiều người khi làm việc, lại thường nghĩ rằng ta phải làm như người này, người nọ, theo kiểu khác kiểu kia, thì mới là đẹp là hay, là tính là khéo, tưởng rằng nếu mình làm theo bản-gi mình, tư-tưởng mình — tức là phát-biểu cá-tính mình — thì là vụng là xấu là thô, là tục. Nhất định gạc bỏ mình ra ngoài, để đi theo người, người ta tự khina mình qua.

Nhất là người Nam ta, thì cá-tính của mình lại càng xem khinh lắm.

Thật vậy, ngày trước chịu cuộc đô-hộ của người Tàu về mặt chính-trị, người mình bắt-buộc phải học chữ tàu đã đành không nói làm gì nhưng trong hội thầy các địa-viện khác mình vẫn được quyền tự-do, hoán-toán, mà vẫn nhất nhất làm theo Tả nghi theo Tả lễ.

Làm văn kiểu Tàu, làm thơ kiểu Tàu, lễ-lễ theo kiểu Tàu, bện hàng Tàu, ăn đồ Tàu, dùng thuốc Tàu, thờ Thần Thánh Tàu, ăn lễ Tàu, học đời phong tục Tàu... chẳng cái gì là không Tàu. Thậm chí đến khác cha mẹ cũng khác kiểu Tàu (làm cau đôi, văn lễ chữ Tàu) khấn tổ tiên cũng khấn theo kiểu Tàu, dù tổ-tiên nhà mình sinh tiền không giỏi chữ Tàu cho lắm.

Thành ra mỗi người Nam thời bấy giờ là một người Tàu. Nước Nam mình buổi ấy là một nước Tàu phụ ở giáp nước Tàu chính.

Cái bản-ngã của người Nam, cái bản-ngã của nước Nam, chính dân-tộc mình đã tự nguyện xóa bỏ đi, để mượn cái bản-ngã của người đem khoác vào đôn vào nước.

Vì vậy mà suốt trên dưới ngàn năm sâu-tấp, đục-chạm với một dân-tộc hùng-cường tiến-tiến vào bậc nhất thế-giới thời bấy giờ, người nước mình chẳng biết lợi-dụng các điều số-đắc của người mà sáng-tác ra được một cái gì riêng-biệt, như chẳng hạn một học-thuyết, một tôn-giáo, một kiểu kiến-trúc, một lối chữ viết, một lối-tác chiến, một tính-cách hoán-toán Việt-Nam.

Phải sáng-tác làm sao được? nếu một khi người ta đã tự bỏ cái cá-tính của mình.

Bỏ cá-tính tức là không chịu làm khác người, mà tức là làm theo người, học đời theo người.

Mà học đời theo người trong nước, hay theo đời ông cha đời trước nhà mình, cũng còn thiếu ột sáng-tác thay, cũng còn là bỏ mất cái bản-ngã của mình hưởng lại đi học đời theo người nước khác.

Học đời theo người nước khác, không những là bỏ mất cái cá-tính, cái bản-ngã của riêng một mình mình mà lại là bỏ mất cả cái bản-ngã, cái cá-tính của dân-tộc mình nữa.

Dân-tộc này đối với dân-tộc nọ cũng như cá-nhân nọ đối với cá-nhân kia, mỗi dân-tộc có một cái hồn riêng, cái tính cách riêng, tức là cái bản-ngã, cái cá-tính của dân-tộc ấy.

Một dân-tộc so với một cá-nhân trong dân-tộc ấy, thì là một đại ngã, một cái to lớn, cái ta của đoàn-thể. Đại ngã đã thế, thì tiểu ngã tức cá-nhân ta cũng thế.

Không thể sáng-tác được. Và tức là không thể tiến-bộ.

Tiến bộ chỉ ở chỗ hơn người, mà mô phỏng thì mong theo được kịp người đã là hán-hạ.

Ta há lại chẳng nghe trước đây vài chục năm, làm được sản thơ hay người ta tự khen ngợi có vẻ thơ Đường làm, hoặc được bạn-hữu tán-dương thì có thể « nhập Đường », viết được sang thư tập, vẽ được bức tranh đẹp, người ta thường nói hơn mình: Tàu làm! Luôn luôn lấy

người làm mẫu mực, làm đích chố, như vậy thì còn hơn người làm sao được mà nói tiến-bộ?

Cái hủ-bại ngày nay chính là cái kết-quả của sự phê-bộ cá-tính của người mình và dân-tộc mình ngày trước vậy. Muốn tránh với xe đổ, ngày nay chúng ta cần phải thế nào?

— Cần phải tôn-trọng bản-ngã, hay cá-tính của mình và gia-dân-tộc mình, trong hội thầy mọi ngành hoạt động.

Thi-de làm thơ thì đừng định bụng bắt chước Xuân-Hương hay Từ-Xương, hoặc Tân-Da hay Nguyễn Nhược Pháp.

Bắt chước cổ-nhân, dù là cổ-nhân nước mình, là bỏ mất cái tính của riêng mình. Cũng đừng định bụng bắt chước thơ Lý Bạch Đỗ Phủ.

Phải nghĩ đến cái cá-tính của dân-tộc, mình là người Nam thì phải nghĩ làm thơ An-nam.

Ba dân ta phải học.

Đã danh ta phải học cổ-nhân.

Không học sao biết? không có cổ sao có thành kim? Nhưng học thầy không phải là nô-lệ thầy. Học cổ-nhân không phải là phải theo cho đúng cổ-nhân đâu.

Bắt-tại là học về khoa-gi cũng vậy, học là để cho biết điều người xưa đã sáng-tác ra để mình nhân đó, do đó mà nghĩ-ngợi suy-xét tức là sáng-tác ra những điều mới khác. Không-Tổ nói:

— Ôu cổ nhĩ tri tân (ôn điều cũ mà biết điều mới).

Ôn điều cũ tức là học, biết điều mới tức là sáng-tác ra điều mới.

Người thường khen Nhan-Hổ:

— Văn nhất tri, thập nghê học một, biết mười.

Học một điều, mà biết được mười điều. Vậy mười điều do một điều đã học mà biết được, há chẳng là mười điều mới suy-xét, sáng-tác ra ư?

Thế mới là biết học. Thế mới là biết học cổ-nhân, vì biết làm cho phát-triển cá-tính của mình và trong khi học.

Trong sách « Học ngữ lục » tác giả là Thạch Đáo một vị danh-học đời Thanh đã viết đại khái như thế này:

«Ta nếu quả là ta, thì ta nên có là ở đó. Rằng mấy người xưa khỏa: thế mọc ở mặt đất ta được: phổ pho người xưa không thể lọt vào trong bụng trong ruột ta được, ta phải đem phê-phủ của ta ra cho người coi, ta phải dơ mũi râu của ta ra cho người coi.

... Vì đã như thế mà nét bút không ra nét bút, nét mực không ra nét mực, học họa không ra bức họa, thì cũng vẫn còn ta ở đó. Vì rằng ta vận mực chữ không phải mực vẽ a, ta đưa bút không phải bút vẽ a...

... Trách chĩa mực, mực chĩa bút, bút chĩa kẻ tự, kẻ tay chĩa tâm-bổn, vì như trời s nh ra, đất thành ra từ người chĩa thì thông trời đất nhưng người có tồn trọng được mình thì mới quý, được chịu khí-thiên-trời đất, mà không hít tóa-trọng mình, thì là tự bỏ mình vậy.»

Tôn-trọng cái Ta tôn trọng mình tức là tôn-trọng cá cá tính của mình. Tôn-tọng cá tính của mình, thì dù ông vọc làm chưa được tận thiện tận mỹ, tác-phẩm chưa được thành công theo ý muốn mình cũng có thể tự-hào rằng mình đã làm được một việc gì.

Bây Thạch-Đào nói riêng về cá-tính của họa sĩ. Nhưng tổng-quát nó: về hết thấy mọi người làm hết thấy mọi nghề lao tâm hay lao-lực đều được cả.

Con người ta bẩm thụ khí thanh của trời đất và thành-nếu không biết tôn-trọng tư-cách của mình, thì là tự bỏ mình.

Người có tài cũng vậy.

Đã biết làm thơ, đã biết vẽ-tranh, đã biết vẽ kiến-arch, đã biết soạn bài-dân, đã biết chế-gỗ-vá-vỏ, đã sành khoa này khoa nọ, nếu không biết tôn-trọng bản ngã-mình mà làm theo phái-tiền-sa trong tác-phẩm, thì cũng tức là tự bỏ mình. Có trọng bản ngã thì mọi không chịu nhảm nhí bắt chước làm theo người, thì mọi cố gắng làm cho khác người hơn người, và mọi có cơ tiến-bộ.

Người Âu Mỹ tiến bộ văn minh cũng chỉ vì họ trọng cá-tính của họ và dân-tộc họ luôn luôn tìm cách làm phát-triển nó ra cho thế-nạ-biến.

Tại sao kỳ-xe hỏa ở Pháp không gầy ở Mỹ? Tại sao hầu-sung Đức không giống kiểu-sung Nga? Tại sao chiến-hạm Nhật không giống chiến-hạm Anh? Tại sao hàng Anh khác hàng Pháp?

Chỉ tại vì máy móc hàng hóa tại mỗi nước ấy mỗi mỗi mang một dấu-nhiệm riêng.

Nó biểu-hiệu cho cá-tính một dân-tộc.

Vì thế bằng ấy nước Âu, Á đều dùng chung một kiểu máy móc, một «mác» hàng hóa, nghĩa là không chịu suy xét nghĩ ngợi cố gắng làm phát-triển cá-tính của mình và của dân-tộc mình ra, thì đâu được có cái cảnh văn-minh hiện bộ như ngày nay?

Bất cứ làm công việc gì đều phải luôn luôn nghĩ đến cá-tính của mình và cái cá-tính dân-tộc. Vậy mới mong có ngày sung-tắc được cái gì ra tuồng, và mới mong có ngày được lên cỗ văn minh tiến bộ.

VAN-HẠC

PA XUẤT BẢN:

Việt-Sử Đại-Toàn
(tập nhái) của Trúc-Sơn MAI-ĐĂNG-ĐỆ
Giá: 4p.00

Thương - Kinh Ký-Sử
(một áng danh văn đồ Họa-Lý) của Hải-Thương LAU-ÔNG, bản dịch của Thiệu-Ty NGUYỄN-DULMAN
Giá: 3p.00

ĐÓN CỬ:
SÁU LÁ THƯ GỬI CHO NGƯỜI BẠN TRÉ
của NGUYỄN-TẾ-MỸ - Giá: 4p.00

Phê - bình NHO - GIÁO
(cả 4 quyển) của Sào-Nam PHAN-BỘI-CHÂU
Giá: 16p.00

Chú ý. — V) sự gửi-sách khó khăn và sách-tin có bạn nhà xuất-bản không gửi sách theo lối Lĩnh-Hòa-Giao-Ngân. Độc-giả và Đại-lý muốn mua sách xin gửi tiền trước.

Thư-từ và Mandat xin đến:

NGUYỄN-NHƯ-CÁT

Quản-lý b) DUY-MINH THU-XÃ

Ng 17, 24 VOIE 208bis HANOI

VIẾNG MỘ NGÀY XUÂN

Ba ngày Tết đã hết. Hoa đào chưa tàn, hoa mai còn trắng xóa khắp những vườn xuân. Sáng ngày sương giá còn đọng trên cọng lá đại-hoa. Trong trí người ta còn lưu luyến những xuân. Màu sắc sỡ của những bộ quần-áo mới có lẽ oạt khoe tươi khắp các con đường làng. Trong nhiều nhà con làng làng những chiếc banh-trung, của 'hoàng-thơng' màu hương-khôi. Người ta còn đang ăn Tết trong những cuộc vui của ngày xuân, nào bài lá, nào bộ bô.

Hương vị ngày xuân còn phảng phất ở khắp các nơi từ đó thì đến thôn quê cũng như ở làng Tị-an, tổng Đỗ-xá huyện Võ-giang tỉnh Bắc-ninh. Làng Thi-cầu ở gần ngay huyện lỵ, và huyện Võ-giang tức là huyện xã tại của Kinh Bắc ngày nay. Trong dân làng vẫn có nghề làm pháo, hàng năm về dịp Tết, nuôi sống khoảng một bao nhiêu gia đình. Dân tỉnh thành nhàn, quanh năm làm ruộng, — họ làm pháo bắt đầu ngay từ tháng hai ta để bán trông dịp Tết, chỉ đến Tết là họ vui chơi trong mấy ngày.

Ngày ở cạnh làng có ngọn núi Thiêm-sơn. Núi không cao, cũng không rậm cây lắm. Trên núi có sấm, có mưa, có nhiều cây to. Dân làng hàng năm lên núi kiểm củi, hoặc hái lá để nhuộm. Ngày dưới chân

núi, làng trước cũng như đằng sau, đó là nghĩa địa của dân làng. Người nhà quê không cần kỳ lắm trong việc tống táng người mệnh-chương. Họ không bao giờ xây nghĩa địa riêng. Cạnh làng nào cũng có một khu hoang-thổ, và ở đây thường là nghĩa địa của cả làng. Như vậy dân làng Thi-cầu có đường khu chôn-rải làm bãi-tha-ma tại cũng chỉ là một bãi hoang-thổ, ở nơi này có mộ to, có mộ nhỏ. Có lăng xây và cũng có những nấm đất lè xè nằm ngổn ngang không theo một trật tự nào. Dưới chân nó là cánh đồng ruộng. Nếu khi trời chập chùng mù thì ẩn ẩn hoặc một vài người cày cấy, đến chồn người chết ở tận dưới khu ruộng làng.

Những ngôi mộ này, đã đành hàng năm đều không phải là vô chủ có người trông nom đắp đất, nhưng theo tục làng này thì ngày mồng bốn tháng giêng cả làng rủ nhau ra đây viếng mộ.

Mọi sáng sớm ngày mồng bốn, sau khi ở trong nhà cúng tiến các cụ là người nhà sửa soạn người vào cuộc người vào hương đi viếng mộ. Đi viếng mộ, có đàn ông, có đàn bà, có già, có trẻ, có con trai có con gái. Nhà nào nhà này ông già bà cả thường đi trước, con cháu theo sau. Trời xuân còn rét. Họ vừa

đi vừa cười, nhưng vừa truyền đến ngày Tết nhất và đến những người đã quá cổ của gia đình mà bấy giờ họ rủ nhau đến thăm mộ để sửa sang lại ngôi mộ đắp cho trời cho đẹp.

Xuất con đường đi qua xóm Đông, xóm G á để đến nghĩa địa vào dịp người đi. Họ vào nhà, trộm trộm vai về thăm. Lại vào thăm những người áo quần trải chuốt đẹp đẽ, có những bà quá phụ áo cổ khăn sang, về mặt râu râu, có những người đàn ông mới góa vợ vừa đi vừa đi thăm.

Lan năm ấy mười tám tuổi. Nàng cũng theo cha mẹ và các anh đi viếng mộ. Ngay từ sáng hôm mồng bốn, nàng giặt thật sớm, giúp mẹ sửa mâm cơm cúng thành khiết để dâng gia tiên.

Tuy mọi năm nàng cũng đã dự cuộc viếng mộ đầu năm nhiều lần, sang năm này nàng thấy trong ông hơn bố hơn. Những giây mưa bụi xuân, khiến lòng nàng tung bừng. Đi viếng mộ, vẫn chỉ là một tục lệ, nhưng năm nay, nàng nhận thấy cái ý nghĩa cao quý của tục lệ này. Từ tối hôm mồng ba, ông nàng đã nhắc đến công việc thăm mộ ngày hôm sau, và ông nàng kể chuyện cái hết những đức tính của các cụ trước. Nàng thấy cuộc thăm mộ là một dịp cho con

chăm gần gũi thân hơn, một dịp cho con cháu nên nơi gương tốt của tổ tiên.

Sau khi ông nàng làm lễ, từ cha mẹ nàng trở xuống, mọi người đều đến trước giường thờ lễ lạy lần cuối cùng. Và sau cùng là cuộc hôn vàng ngày lễ giữa những tiếng pháo tung bừng nổ ở nhà nàng cũng như ở các nhà lân bang. Rồi bữa cơm thừa mặt của con gia trong nhà không khí vui vẻ. Năm nay bữa cơm nhà Lan cũng vui vẻ hơn, vì mới có thêm Thuận, vợ Túy, anh ruột Lan. Trong bữa cơm ông Lan đã bảo: « Năm nay cho cả con cháu Túy — ý con muốn nói đến Thuận — đi tảo mộ để nhận lấy mồ mả của gia tiên ».

Thuận không nói gì, nhưng Lan đỡ lời chị dâu: « Vâng, ông cho cả chị con đi cho vui! »

Thế là bữa cơm xong, tuy mới có tam giờ sáng, sương xuân còn đang xuống mà cả

nhà đã sửa soạn đi viếng mộ. Thành Hoài, em ruột Lan, năm nay lên mười, tung tăng cầm bó hương và mấy chục pháo nổ chạy trước. Các anh em gái Lan người cầm cuộc, người cầm hoa, người cầm pháo đi theo sau ông Lan. Con Thuận, Lan và em Thủy, đàn bà con gái được đi không.

Ra đến đền, tại Thiêm, thì bãi tha ma đã đông những người. Đã có những tràng pháo Long-Châu kêu ran. Những nén hương đã cắm trên những ngôi mộ, và đã có vang dấy tàn tro bay.

Tục viếng mộ ngày xuân của dân làng Thị-Cầu là một tục đẹp và vui. Nhấp bãi tha ma trong buổi này có một bầu không khí sống tấp nập, không lạnh lẽo im lìm lạnh lẽo như quanh năm. Nhà nhà đi viếng mộ đến đốt pháo, và ai nấy đều tươi cười mà chúc mừng nhau thêm mấy căn đầu

năm mới. Những áo màu sắc sặc sỡ trang hoàng cho nơi mộ địa thêm tươi thắm. Vừa nghe một tràng pháo ở lưng chừng núi, đã có một tràng pháo khác ở dưới chân đồi, và xa xa ở dưới cảnh đồng làng đã có mấy người khác đang ném những quả pháo nổ kêu vang trời. Thật là đầy đủ vì khi sắc pháo hồng phơ phất bay theo chiều gió, lẫn vào mùi hương cắm ở các ngôi mộ.

Ngày hôm ấy là ngày các ông già bà cả đưa các con cháu đến mới cưới trong năm vừa qua để nhận mộ gia tiên, ngày hôm ấy, là ngày bao nhiêu đức hay nét tốt của người quá-tử được các cụ già nhắc lại khi thấp mấy nén hương lên mộ; ngày hôm ấy là ngày có những ngôi mộ quanh năm cỏ lùn đất sò, được vụn đắp bồi là con cháu xuất ba trăm sáu mươi ngày đi làm xa vắng, nay nhân dịp tốt mới được về quê; ngày hôm ấy, là ngày

của cả làng họp mặt nhau trong một bàn khố-khi tôn giáo thiêng liêng.

Nhưng bên những cảnh vui vẫn có những cảnh buồn và ở ngày ngày lễ, cho nên người ta đã thấy những vị vong nhân còn trẻ đã sạt sứt bên mộ người không thân mến mới mất nằm vừa qua; cho nên người ta đã thấy những ông cụ già khóc các bà vợ đã cùng nhau làm hạn xuất năm sáu chục năm rồi mà ngày nay đã vội lìa nhau về cõi phật; cho nên người ta đã thấy những bà mẹ hiếm hoi của con thơ bên những nấm mồ cỏ chưa mọc mầm.

Viếng mộ ngày xuân, đó là một ngày vui, nhưng rồi vui buồn, thì ngày đó cũng đầy ý nghĩa.

Tục lệ đó còn thì làng Thị-Cầu còn. Biết rằng mai đây, cái cảnh xum họp của cả một làng dưới chân ngọn Thiêm-sơn có còn được mãi mãi hay chăng, hay sẽ có một nghĩa trang thành phố để cho dân khắp thị sảnh Bắc-Minh an - táng người

nhân vào đó? Đến lúc bấy giờ hẳn cái cảnh đốt pháo tung bừng không còn nữa. Ngày rày nghề làm pháo của cả làng tuy vì chế độ mất đi đã lặn, nhưng cái cảnh đốt pháo ấy vẫn còn — Biết nó còn được đến bao giờ? Rồi ra hàng năm, những kẻ tha hương ở tận chân trời góc bể, biết có vì cái cuộc viếng mộ đầu năm của làng quê mất, mà không về thăm sóc đến mồ mả gia tiên trong ngày Tết như bây giờ không?

TOAN-ANH

Bộ thân tiêu độc

Thuốc lọc máu tiêu nhiệt độc ngứa lở giá một lọ 1p00. Nửa ta 5p.00. Một ta 9p50.
BÁN TẠI:

Nhà thuốc TẾ-DÂN
181, Hàng Bông Hanoi

NÊN ĐỌC

Trung - Bắc
Chủ - Nhật

CÁC SÁCH DẠY LÀM THUỐC

Hàng quẻ-ngũ có cả các Hết
Đề phặng và chữa chứng thường-hạn 1p00. Đau mắt 3p00. Đau đầu 3p00. Đau nửa 3p00. Y-học tạng-thận 2p00. Tục 1p.00 (cả 4 cuốn). Kinh-nguyệt 3p00 (cả 2 cuốn). Gia-chuyển 3p00. Hải-thượng Lân-đồng 6p00 (cả 2 cuốn). Sách thuốc Nhột-Bản Trạng-Hu 5p. (cả 2 cuốn). Xem mạch 3p00. Trẻ con 1p (cả 2 cuốn). Đau hạ 5p (cả 2 cuốn) Ở xa gửi thư, Mandat để nhà xuất bản như vậy.

NHẬT - HẠM THƯ - QUÂN
N. 19 HÀNG ĐIỀU HANOI

Đã có bản:

TRÊN GIÓC VẬT-CHẤT

của LÊ VĂN-TRƯỜNG
— Một thẩm-kịch Tiền và Hết
— Một thành công tác-thẩm của kẻ đã xây dựng sự-nghĩp trên tội ác. Giá 5p20

Nhà xuất-bản HƯƠNG-SƠN
115-115 — Phố Lò-đúc — HANOI

SÂM NHUNG BẠCH BÒ

Hồng - Khê

Đại bộ khí-huyết
Đã kiện hóa. Lợi sinh-quy
Mỗi hộp 3p.00
75, HÀNG BỐ — HANOI

THU-XA ALEXANDRE DE RHODES
mời tái bản:

**NOUVELLE TRADUCTION
FRANÇAISE DU
KIM-VÂN-KIEU**

của M. R.

Một bản dịch Pháp-văn dung công,
mọi tác-phẩm có giá-trị về văn-chương.

Sách in đẹp, dày 130 trang, khổ 17x23

Bản thường: 6p.00 cước: 9p.50
Bản đặc-biệt: 10p.00 cước: 1p.00

Thư và bưu-phieu gửi về:
MẠI-LINH, 21 phố hàng Điều, Hanoi

Nhân dịp Tết

THU XA ALEXANDRE DE RHODES
mời in xong:

Bản dịch Pháp-văn
Bản Nữ Thán
của PHẠM-XUÂN-ĐỘ

— Dịch sát nghĩa và có lời tình-thân với âm-điệu nguyên văn.
— Sách dày 320 trang, khổ 17 x 3. Có cả nguyên-văn quẻ-ngũ, bản dịch và bản chú-thích pháp-văn.
— Nhà in đẹp và 24 tranh in do Minh Quỳnh vẽ và khảm.

Bản thường: 5p.00 cước: 9p.50
Bản đặc-biệt: 10p.00 cước: 1p.00

Thư và bưu-phieu gửi về — MẠI-LINH

LION và MICANON xi-gà thơm nhẹ có hồng
BÁN BUÔN TẠI: FAGIC, — 260, PHỐ HUẾ — HANOI

BUTCHI MARQUE « 2 cái đầu »

DOUBLE — HACHE
Đen, mềm hơn hết — Có bán ở khắp các hiệu sách lớn
HÒA-HỢP — 108 — HÀNG TRÔNG — HANOI, GIẤY NÓI 443

THỬ XÉT VỀ TỤC ĐỒ-ĐẰNG «TOTEM»

Phạm ai đã từng du-lịch qua miền tây Bắc-Phì, hay Nam-dương quần-đảo, hay các bộ-lạc thổ-dân Châu-Phì, tất đã từng trông thấy có những hình chim muông chạm khắc hay những cái trụ, những thứ kiến-trúc của loài người dựng ở trên mặt đất. Lại có nơi, đến cả phía ngoài nhà ở cũng có chạm-khắc. Những ai không biết, tất phải cho là sự lạ-tùng-tăm, ngờ là những thần-tượng mà thổ-dân, sùng bái chăng? Không phải. Là thứ trang sức chăng? Cũng không phải. Cái đó tên gọi là Đồ-đăng «Totem» là cái mà những thổ dân ấy coi trọng lắm.

Gọi là Đồ-đăng, là có nghĩa nêu ra những cái đồ làm dấu-hiệu ghi-nhớ. Theo tục-dân, thì đồ là những vật hiện nhiên mà người đã-man dùng làm dấu hiệu riêng của một nhà một họ. Người Tàu gọi là «phiệt-chương» nghĩa là cái dấu riêng của từng nhà.

Xét kỹ ra, thì những phiệt-chương của các dân già-man dùng đó, có ba thứ khác nhau: 1. của cá nhân, 2. của con gái hay của con gái, 3. của cả họ dùng chung. Trong đó, thứ của cá nhân chỉ hạn có một đời, không truyền lại cho con cháu; còn hai thứ sau là của gia-truyền. Mà thứ cả họ dùng chung cũng là thứ yếu. Nay xin nói qua về thứ ấy như sau này:

Không kể là dân-tộc già-man nào, họ cho rằng hễ đã có cùng một phiệt-chương, tức là cùng một tổ tiên sinh ra. Thổ dân ở Châu Phì có một giống lấy loài rùa làm phiệt-chương, họ nói loài rùa là tổ tiên của họ, lột xác mà hóa ra người. Thổ dân ở một đảo thuộc xứ Kha-luan-bi-á (thuộc địa Ké), lấy loài quạ làm tiên-tổ. Lời truyền-ngôn của giống người này lại càng lạ lùng lắm, họ nói con quạ tổ-tiên của họ, vào một ngày kia đi ra bờ bể, cắp một con chim, cùng kết làm vợ chồng, sinh ra một con gái, nhỏ

khí đưa con gái ấy lên lên, lại cùng kết làm vợ chồng, những con cháu sinh ra tức là họ này giờ.

Nhân vì họ đều tin như thế, nên đối với phiệt-chương coi trọng lạ thường. Ví như phiệt-chương của họ là một loài thú họ, thì đối với cỏ cây ấy, không dùng làm món ăn hay dùng làm việc gì khác. Ngay như thổ-dân ở Kha-luan-bi-á thuộc Ké, không bao giờ dám gặt hái hay ngược đãi loài vật phiệt-chương của họ. Khi nào thấy người khác giết loài vật ấy, họ tất quay lưng chạy tránh, sợ đó sẽ theo người ấy mà yêu cầu bởi thương, thiệt hại. Lại có một giống thổ dân, nếu phiệt-chương của họ là một loài thú để hai người tại họ cũng phải giữ. Họ cho rằng sự phải giữ như thế là bất đắc dĩ, sau khi đã giết, họ tất phải đem gói chong sạch, cần đảo sấm hối, để hồng nhẹ bởi tội lỗi đã làm.

Giống người Áo-long ở Ấn-độ, lấy một thứ cây họ làm phiệt-chương, nên cả đời không bao giờ dám đứng nghỉ ở dưới bóng cây ấy, thứ cây đó lấy ở quả cây ấy ra họ không dám ăn. Giống người Bội-dịch-a-pa ở Châu Phì, không dám ăn thịt, không dám mặc da loài thú mà họ lấy làm phiệt-chương. Nếu phiệt-chương là cá sấu, họ rút kiềng thảy cá sấu, nói trong thấy tất bị chướng đau mắt. Họ không phải chán ghét cá sấu đâu, thực ra rút là tên kính, cho nên trong ngày lễ lễ, họ đều coi cá sấu là tổ-tôn mà thị-nhan lễ bái.

Nếu có kẻ nào đối với phiệt-chương trong họ mà có làm điều gì bất kính, họ đều tin kẻ ấy tất thế nào cũng bị quả-phạt. Vì việc bị phạt, mỗi nơi đều khác nhau, giống người X-mai-cáp ở Bắc-Mỹ, lấy loài hươu làm phiệt-chương. Họ tin rằng nếu ăn thịt hươu hay xúc phạm đến mình hươu, thì khắp mình sẽ bị mọc những vết đen, vết trắng hay những vết khó chữa khác. Giống Búi-ma ở Nam-dương lấy loài rùa làm phiệt-chương, nếu

tin rằng nếu ăn thịt rùa, khi thịt ấy vào trong bụng sẽ tại hiện làm rùa mà ở trong nói ra tiếng người rằng: «Mày ăn thịt ta, ta phải báo thù, lấy linh mệnh mày đây». Lại giống thổ-dân ở Châu Úc, hễ ai bị đau hay bị chết, đều cho đó là sự báo ứng đã ăn thịt loài thú phiệt-chương.

Lại có giống người tin rằng những chim muông đã dùng làm phiệt-chương, đều là vị thần bệnh vực cho họ, như giống Khắc-lô-nai ở Châu Úc, lấy giống quạ làm tiên-tổ, tin rằng giống quạ bệnh vực cho họ đời đời, bất luận việc gì đều có thể hỏi quạ, tiếng kêu của quạ, tức là những tiếng đáp lại chúng.

Giống Phê-lô-lý ở Châu-Phì, lấy loài rắn làm phiệt-chương, mỗi khi sinh đẻ, tất đón rắn đến nhìn đứa con mới đẻ, tin rằng bằng ở sự rắn nhìn pay không, mà đoán biết đứa con ấy có phải là con mình hay không phải.

Những giống người đã tin những chim muông dùng làm phiệt-chương là thần họ

mệnh, phần nhiều thích gần gũi những chim muông ấy, như giống Ni-thái-lý ở Bắc-Mỹ, lấy chó sói làm phiệt-chương, mỗi khi đi đánh nhau, tất mặc áo chó bằng da chó sói, không thì cũng vẽ hình chó sói ở trên mình. Cũng có giống kết tóc đầu thành một hình thú, như giống Ai-a-hoa dùng loài trâu làm phiệt-chương, tóc đầu đều kết thành hình hai cái sừng, để giống hình loài ấy.

Ngoài ra, có nhiều giống người lấy hình trạng những loài thú phiệt-chương khác thành con dấu, có khi vẽ ở trên mũ hay trên các vũ-khí. Có khi khắc ở trên cột dựng ở trước nhà. Có khi lột da chó thành vật thực, dùng sào gậy cắm dựng ở trên nóc nhà.

Trong những khi có cử hành lễ gì như sinh đẻ, cưới xin, chết chóc, phiệt-chương là thứ cần phải có. Giống người Ô-a-ký ở Châu Úc, có bọn gọi là «phải gió nóng» khi họ mai-tàng thấy chết, đều dùng ngãi-thô đến về phía gió nóng thờ lại. Còn «phải mặt trời» thì dùng quay đầu về phía mặt trời mọc buổi sáng.

Giống Khách-lan ở đảo Qua-qa, dùng giống chó làm phiệt-chương, khi làm lễ kết hôn, tất lấy xương chó đốt thành do, ngay khi ấy lấy trái vào khắp mặt khắp mình cặp vợ chồng mới. Giai gái đến tuổi thành niên, cũng làm như thế.

Phạm những giống người còn giữ thói đồ-đăng, hễ cùng một phiệt-chương là nghiêm cấm kết hôn, nếu có kẻ phạm, nhẹ thì phải phá nhà, nặng thì phải xử tử. Nhưng cũng có giống không theo quy ấy, như giống Á-luan-thái ở Châu-Úc, chúng phiệt-chương có thể kết hôn, nhưng đến những con cái sinh ra, lớn lên không được theo phiệt-chương của cha mẹ chúng, phải chọn dùng một phiệt-chương mới là theo tổ tiên của người mẹ đã kết hôn, làm ăn ở nơi nào, chọn lấy một vật ở nơi ấy. Ví như nơi người mẹ làm ăn là nơi sản giống mèo núi, con cái lấy ngay giống mèo núi làm phiệt-chương.

Vì có người tin lại cấm-chỉ cùng một phiệt-chương kết hôn? Lý do rút kho biển, chỗ nhận thấy của các nhà nghiên

ĐÃ CÓ BẢN.

Lý - Thái - Bạch

của TRÚC-KHÊ — Giá: 5p.00

Lý-Thái-Bạch là một vị thánh thơ của cõi Á-Đông. Lời văn chuốt đẹp như sao băng. Ý thơ thanh-cao, siêu thoát, phóng-khoảng, đưa hồn ta phiêu-diêu ở cõi đời lý-tưởng. Có in hoa và hình chữ nhỏ, dịch âm ở ch. r. thơ quốc-văn, và chú thích rất kỹ

Nửa Đêm

Chuyện thôn-quê

của NAM-CAO — Giá: 2p.00

Câu Chuyện Văn Học

của THIẾU-SƠN — Giá: 4p.00

Nhà xuất-bản CỘNG-LỰC
N° 9 — RUE TAYOU — HANOI

của không giống nhau. Theo thuyết của một nhà học giả thì cho rằng «giống thổ-dân ấy, ban đầu kết-hôn không hề có hạn chế, nhưng lâu đời rồi thấy có nhiều điều lệ-bại và sự cứng-buýt-lực kết-hôn, mọi thì hạn việc cấm chỉ càng phiệt chương kết-hôn». Một nhà học giả khác lại cho rằng «Chúng về buổi ban đầu không cần nề, ngay về sau cũng không có hạn chế, rồi chỉ vì những gia-dịch đông người giai gái lẫn lộn, rồi dễ sinh sự vướng đầu đuôi mà phải đặt một mặt hạn-phúc gia-dinh. Vì thế kẻ làm cha, không cho con gái ở nhà, bắt phải đi nơi khác để cầu hôn, do đó mới thành có chế độ cùng phiệt chương kết-hôn».

Sự khác phiệt chương kết-hôn, có nhiều kết quả lạ lùng. Những cặp vợ chồng thổ-dân ở châu Úc thường thương ngôn ngữ không hiểu nhau, mà phần riêng mỗi người lại không muốn thay đổi tiếng nói gốc của mình. Miên Duy-đa-lai-ê ở châu Úc lại cấm chỉ những người cùng một tiếng nói không được kết hôn.

Còn việc bỏ mẹ khác phiệt chương, còn cái sẽ nói theo phiệt chương nào? Thông thường phần nhiều theo phiệt chương mẹ. Có nơi lại định lệ con gái theo mẹ con gái theo cha.

Những con gái châu Mạnh-gia-lạp Ấn-độ, có thể đem tiền mua con gái làm vợ, thì những con gái sinh ra đều theo phiệt chương cha.

Lạ lùng nhất, ở các nơi ấy thường có tục dân ông để con Nhâm-nào những con cái sinh ra theo lệ thuộc về người mẹ, nên người cha muốn được thuộc về mình, tất phải làm việc «giả cách để». Đó là «giả cách để» là người cha phải làm ra bộ người đàn bà năm cũ, cũng năm đương cũng không khem, tất cả người nua đều gọi như đàn bà để. Thế đó, năm đương, và không khem trang mặt ngày rồi mới được nhận con cái là của mình và nối theo phiệt chương của mình.

Giống Má-má ở giữa Châu-Pai, cũng có tục lạ sau khi kết hôn, con gái phải bận quần áo giả gái trong một tháng.

Người cha cần bắt con cái để ra phải cùng mình cùng phiệt chương, tất phải có có trọng yếu gì. Vì những chúng-lực coi trọng phiệt-chương, bất cứ nơi nào, ít ra phải có hai phiệt chương trở lên, không thì không có hi vọng kết hôn. Nhưng vậy nhất trong các phiệt chương cơ, xảy ra sự tranh đánh, cho đến đánh nhau, muốn giải quyết không thể căn cứ ở huyết thống, phải căn cứ về phiệt-chương mà định. Nếu con gái không cùng cha cùng phiệt chương, tại cha con thành ra cửa địch. Vì vậy người cha có con gái, không kể thế nào, phải nghĩ cách làm cho cha con cùng theo một phiệt-chương mới «hỏi».

SỞ BẢO

Trong dịp Tết

Muốn tìm ý-nghĩa thiết-thực của cuộc đời để hoạt động trong năm tới, các bạn hãy đọc hai tác-phẩm của DƯƠNG-VĂN-MÂN

— Vua cốt-mình NOBEL
— BOUICAU, nhà cách-mệnh
nền thương-mại thế-giới

Sách quý, in đẹp, giá rẻ: 2p.20 một cuốn + thêm 0p.60 cước phí

Mandat để:

G.P.L.C. 72 - WISSE - HANOI

Có bán tại các hiệu sách

MỘT CUỘC CHINH-PHỤC VI-ĐẠI TỪ AU SANG.

ĐẠO HỒI VỚI CUỘC ĐÔNG-CHINH THẬP-TỰ-QUÂN

Tôn-giáo chiến-tranh: Hồi-Hồi giáo, Cơ-đốc giáo, Phật-giáo. Những giáo-điều của ba đạo trở thành những quy-luật quân-phiệt để bày ra những thảm trạng núi xương, sông máu: xâm-lược và tự-vệ

(tiếp theo)

Như trong số trước đã nói, đạo Hồi - Hồi vốn là sản vật của thương-nghiệp tư-bản xứ A-rập lúc đương thịnh. Nguyên tắc căn-bản của sự truyền bá đạo Hồi là ở sự đi chinh-phục thuộc địa. Đó là một mục-đích và là nguyên-tắc căn-bản trong giáo-điều của đạo. Và, là để mở một con đường rộng và rất dài trên công cuộc thương mại để phát thịnh vào thời bấy giờ. Cho nên sau khi Mahomet chết rồi, các giáo-đạo háng hái đi chiếm lấy lãnh thổ, cướp đoạt thị trường. Ở các nơi mới xảy ra một cuộc lưu huyết kinh-khủng không tiền vô hậu trong lịch sử thế-giới!

Nguyên nhân từ thế-kỷ thứ 10, theo sự thịnh vượng của đạo Cơ-đốc (Christianisme), trong đám tín-đồ có nhiệt tâm phần nhiều ở những phương xa đến Jérusalem ở xứ Palestine để chiêm-bái lăng mộ của Jésus Christ. Đồng thời, họ đem về những thổ sản quý lạ ở các nước Đông phương để bán cho khách các địa đản, vì thế thánh địa. Vậy nơi đó có thể là một thị trường

to lớn hồi bấy giờ. Hay nói một cách khác, sự viễn chinh địa lúc ấy đã thành ra một dịp buôn bán được lợi hơn hết. Vì vậy dân Hồi Saracens (1) mới đem quân thảo đoạt thành địa ở Jérusalem.

Sau khi xứ Palestine để vào tay người Hồi, sự viễn chinh địa thành của những giáo-đạo Cơ-đốc phải bị cấm và cũng là chặn dứt con đường thương mại của bọn Cơ-đốc giáo. Bởi sự tôn giáo ấy mới gây thành một trận giặc tôn-giáo hay thập tự quân (Crusade) giữa đạo Cơ-đốc và đạo Hồi-Hồi vào thời Trung-cổ, kéo dài có gần 200 năm, chết người có hàng trăm vạn!

Nguyên trong khoảng thế-kỷ thứ 10, 11 và 12, nghĩa là trước đây nước thành Vardun (traité de Vardun) năm 843 qua phân đế-quốc nh-ại-đại-đế (Charlemagne hay Charle le Grand. - 742-814) cho 3 người cháu của vua là Lothaire, Louis và Pépin thành ra 3

(1) Tên của dân A-rập vào thời Trung-cổ, lúc sang xâm chiếm Pái-châu và Ấn-châu do chữ Seharaka.

nước Pháp, Đức và Ý. Mỗi một nước trong 3 nước ấy chia ra làm vô số những địa phương, không có một nước nào để thành một quốc gia thống nhất. Trong cuộc phân tán vô số những nước con ấy lại do các công hầu chia nhau cai trị. Người nào chỉ biết bờ cõi của người ấy. Ai cũng có một quyền lợi riêng biệt và ngang nhau.

Nhưng đến thế-kỷ 11, những địa phương ấy lại hỗn độn. Những vương quốc không còn phân minh như trước nữa: Đức và Ý cũng một người chủ quân. Vua nước Anh lại có những địa-hạt ở Pháp mà thất lại là chủ hầu của vua Pháp. Những lãnh thổ trước, quân công, trường giả có hàng triệu tài sản gần ngang vua, còn bọn binh dân toàn là nô lệ!

Trong bọn binh dân lại chia ra làm 2 hạng. Một hạng tá - điền (vassaux) được có chút đất, nhưng không được truyền cho ai, một hạng là nông nô (serfs) thì toàn là phụ làm ruộng suốt năm sống ở cây cấy, chứ không được dời đi đến khác. Hạng này là hạng

RANG TRĂNG KHÔI SÂU THƠM MIỆNG

vi dùng:

thuốc đánh răng

GLYCERINA

GIÁ MUA BẢO

Mỗi gói 100g 0.300

	Một năm	Six tháng	Sinh nhật
Năm-kỳ, Trung-kỳ ...	32.00	18.50	0.60
Năm-kỳ, Cao-mán, Ai-lao	25.50	15.20	11.20
Ngoại quốc và Công sở	20.50	12.40	22.40

Mua bảo phải trả tiền trước mandat xin đi

TRUNG-BÁC CHỦ NHẬT, HANOI

của họ, nhất trong xã-hội, một quyền sai khiến định đoạt của giai-cấp trên.

Từ ngày xứ Palestine bị mất về tay người Hồi, thành ra sự việc đất thánh của người có đặc biếm. Con đường thương-mại của giáo đồ cơ đốc bị cắt đứt. Bởi vậy bọn con buôn Âu-châu bị mất quyền lợi và bởi sự giáo hội bị bọn dị giáo người Hồi tâu đồ làm giảm bớt thanh danh vì bọn vô sĩ phong kiến muốn tìm chỗ xâm chiếm mới thành lập cuộc đồng minh với họ.

Nhờ vậy, đạo giáo hoàng Urban II và Pierre l'Ermite mới triệu tập được các vương hầu ở các nước đại hội ở Clermont nước Pháp làm sôi nổi đến tâm huyết cả Âu-châu. Cả hàng triệu người đồng hô khẩu hiệu « Chúa muốn thế », nên phần khải chiến chinh phạt: thân phục các được thánh địa.

Thời ấy, những hàng qui tộc, trưởng giả, những dân quê, những vua chúa đều phải ra bỏ nhà cửa, cung điện đầu đội mũ nghe tiếng gọi của một đấng linh mục hay một thầy đồng Phương Tây để hoàn toàn thành lập một quốc gia Cơ-đốc. Đạo giáo hoàng lại là chủ tử của quốc gia. Quan Kiam-sơ tôn thánh (tên) là những sứ thần đến báo cho Triều đình. Bao nhiêu chính-trị, lập pháp đều do ở đạo giáo hoàng (papal) quyết định phần đoán.

Quyền thế giáo hoàng bấy giờ rất mạnh, cho đến nỗi trước khi các vua chúa lên ngôi hầu như phải chịu nhận ấn phong của giáo hoàng, và bất cứ những điều gì ở triều đình cũng phải hỏi đến các linh mục, các đấng giáo tông.

Bây giờ chốn hội thánh là nơi chiến mọ những kẻ từng chinh để tổ-chức thành một đội « Võ sĩ đạo » (chevalerie). Những con hàng qui tộc đến 20 tuổi phải vào nhập ngũ và chịu làm phép thánh. Những thanh-niên chiến-sĩ hằng đêm cầu kinh, lạy lạy hình khi đi làm phép thánh (armes béates) và nguyện thề ngoài sự phụng thờ Chúa còn phải yêu qui phu-nhân, che chở kẻ yếu, hành việc những kẻ bị hiếp đáp. Nhưng dù sao cũng phải giữ lấy qui tắc là bao giờ cũng quân mọh vì đạo. mà chiến đấu với kẻ thù với một đạo tin là che chở giữ gìn tôn thánh.

Tóm lại, những hành-vi của quân chúa đều do theo kỷ luật của tôn thánh, tôn-tục phong-kiến và sự xu-hướng của bọn « Võ-sĩ đạo ».

Bởi có một đức tin rất mạnh-Hồi nên bọn tăng-tử (clergy) rất được quyền thế. Bao nhiêu nước đều lập nhiều nhà thờ, thành kính những di tích của thánh, tin ngưỡng những phép di thương và tự phải lấy những việc khổ cực mà hy-vọng được vào nước Chúa.

Đọc qua những đoạn trên thì chúng ta, ai cũng nhận thấy rằng: bọn linh tăng chính đã đặt lại đất thánh có cái lý nghĩa vì « kinh-lễ » hơn là vì « binh vực thánh địa ». Nên dưới quyền tổ-chức của giáo hoàng Urban II và Pierre l'Ermite thành lập được một đội binh tinh nguyện rất mãnh-lệ để mở đầu cuộc chiến-tranh. Vì những kẻ từng chinh này đều có mang dấu hiệu chữ « Thập tự » mới kêu là « Thập tự quân ».

Sở dĩ chiến-tranh « Thập tự quân » phải kéo dài có gần 2 thế kỷ là do lòng tham độc của

con người trước một cuộc thương nghiệp phát thịnh. Và lại thời ấy, kẻ nào cũng vẫn thấy tài sản của mình ít đi quá, đất mọh hẹp hòi, những hàng « bá » thì lại mong tranh lên tước « công » kẻ khác; nên thì lại muốn giằng sang bên kia chỗi tranh mọh so với hàng đại các. Vì vậy, có gần 200 năm, họ phải tổ-chức đến 8 lần « Thập tự quân » mong những với người đạo Hồi, để giải quyết về vấn đề kinh-lễ.

Tám đạo « Thập tự quân » là: 1 - Đạo nhất Thập tự quân (1096 - 1099) do đức giáo hoàng Urban II và Pierre l'Ermite tổ-chức hội nghị tại Clermont năm 1095.

2 - Đạo nhì Thập tự quân (1147 - 1149) do Saint Bernard, Conrad III và Louis VII.

3 - Đạo tam Thập tự quân (1189 - 1192) do Guillaume, Frédéric Barberousse, Philippe Auguste và Richard Cœur de Lion.

4 - Đạo tứ Thập tự quân (1202 - 1204) do Foulques de Neuilly biết hiệu giáo hoàng Innocent III và Baudouin IX.

5 - Đạo ngũ Thập tự quân (1219 - 1221) do Jean de Brienne vua ở Jérusalem và André II vua xứ Hong-gia-lợi.

6 - Đạo lục Thập tự quân (1228 - 1229) do Frédéric II, một vị hoàng đế đức pháp thông công (excommunié) bởi bất thuận của giáo hoàng Grégoire IX. chịu ký hiệp ước hòa bình với vua Hồi để giao đất thánh.

7 - Đạo thất Thập tự quân (1248 - 1252) do Saint Louis vua nước Pháp năm 1226 - 1270. Sau khi thắng được vài trận rồi lại bị vây gần thành Mansourah, và tại vàm sông I rồi bị bắt cầm tù.

8 - Đạo bát Thập - tự quân (1270 - 1270) do Saint-Louis, người

vào Tunis và hy-vọng lập thành đế quốc Co-đốc nơi đó. Nhưng bị giết chết dưới trướng thành trong khi những thành phố ở Palestine hoàn toàn thuộc vào tay của người Hồi.

Như trên đã nói: bọn Thập tự quân đi đòi đất thánh lấy cái lý nghĩa « kinh-lễ » hơn là vì « giải phóng cho thánh địa ». Vì vậy, có lúc họ lại rời khỏi đất thánh để xâm lược đến Phi-châu.

Trải qua một trận giặc long trời lở đất tuy chết có hàng trăm vạn người, nhưng cũng đem lại cho dân chúng sau này được hưởng nhiều kết quả tốt đẹp.

Vì do cuộc chiến-tranh đó mà đạo-thất được những hàng bá tước háo chiến hung tợn, Đại đa số chư hầu sang qua xứ Palestine không còn trở về nữa. Và lại, trong cuộc viễn-chinh, họ phải cần dùng rất nhiều tiền bạc, nên họ phải bán linh-thất của mình, hoặc đem cổ cầm hay giáo quyền lại cho kẻ tay-tung. Điều cuối cùng nữa là khi không có ai có tiền để mua, thì họ phải để lại cho dân tự trị, chứ không lấy mang được theo.

Nhờ ảnh-hưởng gián-tiếp ấy, bọn nông nô được đỡ áp bách, các thị-xã được giải phóng, quyền lực của nhà vua được tăng gia.

Những sự giao dịch về thương mại bị đứt đoạn từ khi mọh xâm lược phát-triển thịnh hành. Nhất là ở xứ Á-rập về kỹ-nghệ và thương mại thì lại phát-đạt hưng thịnh hơn cả.

Được xem những đền đài đình thự nguy nga ở Constantinople, Antioche, Damas, Alexandre de người Hồi kiến-trúc, người đạo Cơ-đốc lại học thêm được nhiều việc,

như dệt tơ lụa, làm những đồ sành sứ, khoáng sản, đất đai xây dựng máy xay gió và trồng trọt nhiều thứ cây trái.

Nhiều thị trấn to lớn thành lập ở hai bờ biển Á-Tê-á (Asie mineure) và Tây-đuy (Syrie), Pisie, Venise đến đó buôn bán rất nhộn nhịp.

Địa Trung-hải đã trở lại một thị trường to lớn nhất như thời đến Phi-ni-lây (Phéniciens), Hy-lạp (Grèce) và La-mã (Romains) đương thời hưng khởi.

Đến đây cũng tạm gọi là ngừng yên, khói lửa chiến-tranh dập tắt để mở một cuộc đời mới cho dân chúng vô tay ca lộng thanh bình... Nhưng, lịch-sử thế-giới phải chứng là một chuỗi dài triển-miền về chiến-tranh khói lửa!

Trước cuộc kiến-thiết bao giờ cũng có sự đổ vỡ. Vì vậy mới xảy thêm một cuộc đại biến ghê hồn kinh dị trong lịch-sử Á-Âu.

Trong khi cái xã-hội mới còn ở trong vòng phôi-thai, thì những mưa dầm từ Trung-bộ Á-châu tràn vào làm cho điên đảo quay cuồng tất cả. Từ thế kỷ thứ 13 đến 15 nhà dân Mông Cổ (Mongols), Thái-tát (Tartares) một mặt tràn sang đất Tàu, Ấn-độ-china (tức Đông-dương ta) và Âu-đô. Một mặt tràn sang Ba-tư (Perse), Nga (Russie) và đến tận Hung-gia-lợi (Hongrie).

Trong khi sắp mở một cuộc đời cận đại ấy, thì các vua chúa trong mỗi nước đều cố làm cho vững chắc thế-lực của mình và phá đổ quyền hạn của bọn quý-tộc. Quyền thống nhất của giáo-hội ngày trước lại suy đồi phải nhường lại quyền thống nhất cho nhà vua đương lấy lòng đất-phát. Nhân dân tuy nhất tâm tin

ngưỡng, nhưng không đồng tâm hành động như trước kia.

Khi xưa, họ cũng đồng tâm đem mình vào khói lửa vì « tôn-giáo », thì nay đi chinh chiến là chỉ vì giành giật « quốc gia ». Ai cũng mong lo báo thù sông-giới và duy-trì quyền lợi của mình. Thời lúc ấy dân Thổ-Hồi (lurs Ottomans) (1), duy động thừa quả từ Á-châu tràn sang đem lại các toan khổ của Á-đô. Bao nhiêu sự đổ vỡ tan nát đây hải dương kinh khủng!

Họ tàn sát những kẻ có đạo Cơ-đốc. Những đấng đạo Cơ-đốc bị cưỡng bức bắt đem về cho vào đạo Hồi, và tổ chức bọn ấy thành một tại-vệ-dian (jeannissaire).

Quốc vương đạo Hồi (Sultan) cầm nom đại quân này như một đấng con nuôi. Sự ăn uống của chúng đều do các vị vô quân săn-lộc...

Bởi được cầm nom châu-dao và lòng yêu chuộng, nên chúng không màng đến nguy hiểm và hình phạt mà vẫn nhất tâm thơ phụng Hồi vương.

Sự tiến-bộ của quân Thổ-Hồi rất nhanh chóng, đi đến đâu là được các thành đoạt (như Constantinople năm 1453), họ chiếm được thành Andrinople (thứ đô của nhà Cơ-đốc Hy-lạp dưới quyền cai huy của Hồi vương Amurat I).

Năm 1396, những võ sĩ Long sa dưới quyền chỉ huy của Jean sans Peur lập thành một đội Thập tự quân để ngăn chặn dân Thổ-Hồi, nhưng

(1) - Tên chỉ dân Thổ-Nhĩ-Kỳ (Turque) do Ottoman I là Hồi vương cai trị (1259 - 1326).

ợ Hồi - vương là Bajazet I đánh bại tại đồng bằng Nicopolis.

Đến năm 1453, dưới quyền chỉ-huy của Mahomet II, thành Constantinople - thủ đô Đế quốc - bị vào tay người vào tay người Thổ-Hồi chiếm đoạt.

Sử chép rằng: Mahomet vốn là một giống man dân nhưng rất hiền học, người lại thích chuộng thơ văn. Vốn có một sức mạnh mãnh liệt người lại hiền chiến, năm chiếm 12 nước và thủ đô đoạt có 200 thành.

Sau cuộc xâm chiếm ấy, y chỉ còn thấy những tàn tích tàn vỡ, những tai nạn khủng khiếp, những xác người ngổn ngang đầy huyết-lộ... Y vốn là một bạo chúa coi thường sự sống của loài người. Y truyền sự hai hoặc đóng nọc những viên thuốc thủ địch khi bắt được. Thậm chí những quân thù của y cũng phải chia làm hai binh nhẹ tại các khi lâm ý không vữa lòng.

Trước khi đánh lấy thành Constantinople, Mahomet chiêu-tập binh lính ở Âu châu và Á-châu có hơn 250.000 người, lại có được một đội pháo thủ được 130 gậy vàng đại bác. Có một cây súng to quá, cần dài phải dùng đến 100 con bê mới có thể kéo đi được.

Đến Hy-lạp lúc bấy giờ thật hỗn loạn. Nhà vua cuối cùng là Constantine XII kêu gọi lòng yêu nước của toàn cả dân chúng còn sót lại, để tổ chức một đội quân Hy-lạp như nhờ và mượn dân Géclois (dân ở thành Géclois, xứ Y-dai-lô), dân Venetians (dân ở thành Venice, xứ Y-dai-lô) và đánh giặc. Nhà vua xây cất lại đồn

lấy, đặt một sợi xích sắt rất to chằng mắt hải cảng để ngăn cản tàu bè quân Hồi. Nhà vua vẫn tự mình ở giữ trước cửa Saint-Romain là một đồn binh nguy-hiểm nhất và là chỗ dựa của của bên địch thường tấn công.

Sau vài trận đánh nhau thành trì tàn vỡ, vua Constantine bị tử tiết tại đồn binh (1453).

Cái chết vinh quang ấy đã ghi một dấu vết lịch-sạch trong lịch-sử cuối cùng của đế quốc Hy-lạp!

Thành Constantinople bị hủy phá.

Nhà vua Mahomet II ngồi trên ngựa cho giẫm đạp những tử-thai tràn trẻ máu đỏ của đoàn chiến sĩ địch thủ mà vào thành cùng đoàn quân Hồi hơn hết hát lớp hải quân.

Lúc bấy giờ, những bọn quí-tộc ở trong thành bị bắt đi bán mọi. Sự cuồng giận hung bạo của bọn quân Thổ-Hồi làm chấn động không-không khí các nhà thờ, các nhà dòng, những dân có đạo. Nhà thờ Saint Sophie (1) đã trở thành một giáo đường của người Hồi. Bốn nghìn người phải chết một cách thảm khốc. Năm chục nghìn người bị bắt làm nô lệ.

Độc qua những trang trên, bạn đọc đã thấy giống dân Hồi mạnh bạo quá thế. Cuộc chinh-phục của bọn họ rất tàn bạo, khủng-khếp, ghê tởm và tàn ác. Họ giết hại và đem đến những đống xương người. Họ giết hại và đem đến những đống xương người.

Vậy khi trận sang Ấn-độ, các giáo-dò Hồi-Hồi lại gây ra những cuộc tàn huyết với tín đồ Ba-la-môn vào khoảng thế kỷ thứ 10, 12, 13 mới đến thế hiện đại.

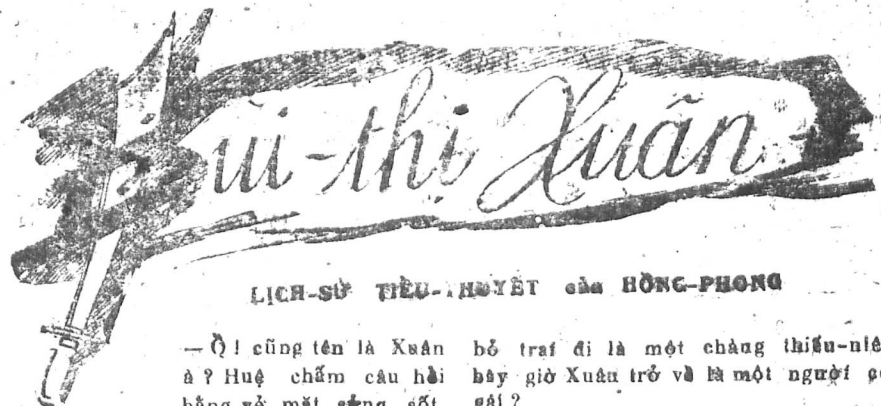
Cũng trong lúc đó, nghĩa là từ 711 đến 828, dân Hồi tràn miền lưu vực sông Indus vào trấn lấy thành Lahore (2). Sang đến thời dân Hồi Ghaznavides cũng tràn tới giới sông Sind (hay Indus). Sau rồi, lại đến thời dân Gourides mới tràn lan toàn xứ Ấn vào năm 1185 cuối thế kỷ thứ 14.

Trải qua những cuộc chinh-phục liên đại như thế, những giáo-dò Hồi-Hồi phải tàn sát hết bao nhiêu tín đồ đạo Ba-la-môn, và đồng thời kiếm hết cách để diệt trừ đạo Phật. Họ đốt phá hết tinh xá, chùa, tháp, giết sư tăng, đốt cả kinh tạng, đoạt lấy thần tượng, làm cho một số tăng đồ không chịu nổi với cách tuyên truyền tôn-giáo bằng vũ lực ấy phải mang kinh trốn sang Tây-tạng (Tibet). Và cái ngôi lưu huệ ấy vẫn còn ngấm ngấm đến nay.

Bản đây, theo tin Reuter ở Miến-diện (Birmanie), năm 1938 tháng 7 tây, tại Ngưỡng-quan (Rangoon), thủ đô của xứ ấy có xảy ra một cuộc xung đột dữ dội giữa tín đồ Phật giáo và Hồi-giáo. Nguyên nhân bởi giáo-dò Hồi-Hồi có phật hành một quyển sách để nói xấu đạo Phật.

Giáo-dò Phật cho đó là một sự sỉ nhục quá ư cho thanh danh nơi kẻ-khôn vậy đánh người đạo Hồi-Hồi. Và, đồng thời lại, họ làm biến-tình, đốt phá kho tàng hiện tại người Miến-diện cai-trị người Miến-diện.

(1) - Nhà thờ ở thành Constantinople do Justinien I hoàng đế kiến-trúc năm 532.
(2) - Một thế trấn: Ấn-độ Anh và cũng là thủ đô của Ấn-độ - một nước chư hầu của đế quốc Ấn-độ.



LỊCH-SỬ TIỂU-HUYẾT của HỒNG-PHONG

— Ồ! cũng tên là Xuân à? Huệ chấm câu hỏi bằng vẻ mặt sững sờ.

Nhưng người trong thiên-hạ đồng tính, đồng danh biểu gì? Hễ thiên-xa thì được, trong quân ta đang cần nhiều tay bắn giết.

— Vâng, cũng tên là Xuân, chỉ có điều khác; đằng kia là Phùng Xuân thì đằng này Thị-Xuân.

— Thị anh nói trắng là người ấy đàn bà có gọn chuyện không?

— Thưa, còn hơn nữa, người ấy là con gái còn trẻ măng, người hợp với tên, tên đúng như người.

— Quý-hóa lắm!.. Nhưng anh còn đợi gì không dẫn nàng đến giới-thiện với tôi?

Diện nói và cười, rồi né qua một bên để cho Huệ ngánh lại thấy Xuân tiếp lên cúi chào lễ phép, không nói câu gì. Nàng trở lại thái độ e-lệ vì bất-tình, vì trường-hợp.

Huệ sững sờ nhìn nàng từ đầu xuống chân, từ chân lên đầu, rồi reo rầm lên, vừa mừng vừa lấy làm lạ:

— Ha! Ha!... Chính là Xuân chứ còn ma nào khác!

— Vâng, thưa tướng-quân, chính là tôi! Xuân khép nép nói.

— Quái! Thế này là nghĩa thế nào? Huệ sững sờ, nói lầm rầm như tự mình hỏi mình, nhưng mắt nhìn Diện.

Ừ, thế này là nghĩa thế nào? Xuân

bỏ trái đi là một chàng thiếu-niên, bây giờ Xuân trở về là một người con gái?

— Bẩm chủ tướng. Xuân con gái mới thật phải là Xuân! Diện nói.

— Thật ư?

— Vâng, ngài trông thấy thì biết. Huệ nhìn sững giây lát, vỗ tay nói cười ra vẻ đắc ý:

— Phải rồi!... Phải rồi!... Hèn nào từ trước ta vẫn ngờ-ngợ Xuân chắc là con gái giả trai, nhưng ai cũng bắt ta hoa mắt, nghi bậy... Hôm vừa mới đây, trong nhà ta có cuộc đánh cờ vì Xuân đánh đỡ ấu tiên; đại ca với tâu-tâu ta một hai hảo ta nói láo, còn ta thì yên trí theo con mắt ta xưa nay nhận xét phán đoán người không sai bao giờ, ta nhất-định Xuân là gái. Ta quả quyết đánh cuộc hôm nào khám, xét mà coi, hề ta thua cuộc thì chịu mất mười nén bạc... Mấy hôm vì mắc bận việc quân, nên ta quên nhãng, không thì đã có vụ khám xét nữ thực để ta thua cuộc chịu mình bại mặt không tính, hay là ta đã ăn của đại-ca và tâu-tâu ta mười nén bạc rồi!.. Có lẽ Xuân nghe được câu chuyện đánh cờ đó, mà bỏ trốn đi trước chăng?

— Thưa, không phải vì thế đâu! Diện trả lời thay nàng. Sự thật, vì một lý quan-hệ hơn nhiều kia.

Đoạn, với động nói rất bí-tráng, Diện đem hết gia-tình oan-khức và những

lời thề-nguyện của nàng với bà mẹ trên giường hấp hối, kể lại một lượt cho Huệ nghe.

Trong khi Diệm thuật chuyện, nàng đứng dựa bên cột, cúi mặt khóc rấm-rút.

Huệ thấy trước mắt mình một người con gái còn nhỏ tuổi, con nhà lương-thiện, côi cút, gặp cảnh nhà tan đời loạn thế này mà không chồm dấm, lại cô lập chỉ lạ lùng, đáng kính, cho nên trong lòng cảm-động chưa chán. Khi Diệm kể xong, Huệ yên-ủi nàng bằng những lời rất thành thực, niềm nở, và hỏi chuyện ân-cần:

— Á! Tôi nhớ có được nghe nói việc oan của quan Khâm-ly hồi đó! Té ra cô là con ngài?

— Thưa vâng! Nàng gạt nước mắt và đáp: Tôi là con mà là con một còn sót lại. Việc cải-trang mà đặt mình dưới bóng cờ tướng-quân bấy lâu, thật là tình-thế phải vậy, cúi xin tướng-quân tha thứ...

Huệ ngắt lời nàng và nói:

— Không, không, cô không có điều làm lỗi gì mà cầu xin tha thứ, trái lại,

hiếu-tâm và lập chí của cô, khiến ai là người có chút lòng khí-khải, cũng phải kính nể. Điều sớ-nguyện của cô, cứ đặt vào Tây-sơn, sẽ không phải thất-vong đâu! Tây-sơn hứa giúp cô làm đúng cả mấy lời thề.

— Đa tạ tướng-quân. Được vậy thì không những tôi mang ơn, mà vong-linh thầy mẹ tôi cũng phải cảm-kích.

Nàng chấp tay nói, rồi toan sụp xuống lạy tạ, nhưng Huệ gạt đi và hỏi:

— Từ nay cô vẫn phụ tá việc quân cho chúng tôi được chứ?

— Vâng, tôi càng xin tận-tâm hiệu-lực hơn trước! nàng trả lời rần rồ.

— Vẫn chỉ-huy đội binh cương nổ?

— Tựa vâng, nếu tướng-quân vẫn lòng tin dùng ấy-thế.

— Ô! Tin dùng ủy thác một người có tài thiếu-xa hiểm hoi như cô, bao giờ tôi cũng sẵn lòng. Nhưng mà...

Huệ dừng lại suy nghĩ; có ý phân vân về chỗ dùng một người thiếu nữ trong quân, nhất là người thiếu-nữ chưa chồng, e có điều vật-ngại không tiện.

Như đón biết ý Huệ, nàng nói:



— Nhưng mà... Chắc hẳn tướng-quân e ngại tôi là con gái độc-thân.

— Chính thế. Có tài thật, đoàn-trung điều tôi đang nghĩ Huệ đáp Tài-nghe cô vẫn là tài-nghe ấy, duy có hình-tích thì trước thế khác, bây giờ thế khác, làm sao?

— Thưa, tướng-quân lo xa thế quá, chưa cần bà con gái cũng là người; đã là người thì cũng có phận-sự với nước non giống nòi, y như đàn ông con trai. Nếu đủ nhiệt-tinh, đủ tài lực, đủ can đảm, người đàn bà cầm đầu một đội quân, xông pha trận mạc không được ư? Sự sạch từng chep những mạng ấy, thiếu gì? Tôi tay tài-năng hèn mọn, dám quyết không khi nào phụ lòng tri-ngộ của tướng-quân.

— Phải, tôi vẫn biết thế. Có điều tôi đang nghĩ tìm một cách giải quyết lưỡng toàn thì này hơn.

Huệ đưa mắt nhìn Diệm và mỉm cười nói tiếp, hỏi nàng:

— Có gặp gia-biễn như thế, thì chắc khi xưa ở nhà chưa đính-rước với ai?

— Chưa! nàng bẽn lẽn đáp.

— Hay quá! Thế thì tôi có cách giải-quyết lưỡng-toàn rồi.

Trước vẻ sáng sủa bất ngờ của Diệm cũng như của nàng, Huệ chạy lại vỗ vai Diệm và nói với nàng cách trịnh-trọng, vui vẻ, mà hầu như có một mạng-lệnh bên trong:

— Nói gần nói xa, chẳng qua nói thật, tôi xin tác-hợp cho cô với Diệm trở nên đôi bạn... Thật là phải đôi vừa lứa, trắng-sắc giai-nhân... Ừ, chiều nay tôi bầm-mệnh với ông Tiết-chế, anh tôi, rồi tôi đứng chủ hôn cho hai anh chị. Cuộc gặp gỡ ở Thạch-bì-sơn, không phải ngẫu nhiên, ông trời xe duyên hai người từ đây...

Diệm mừng thầm, nàng làm thỉnh. Làm thỉnh là dấu tỏ bằng lòng. Nhưng hai người chưa ai kịp ngó lời

gi, Huệ đã nhanh nhẹn, tươi cười, nắm mỗi người một tay lôi đi và nói:

— Á, việc quân nên giải quyết mau chóng nào hay chừng ấy... Không đợi đến chiều. Hai người đi theo tôi qua đình Tiết-chế ngay bây giờ để tôi bầm-mệnh cho xong... Nhân tiện để lấy mười nén bạc được cuộc, sắm lễ mừng Xuân với Diệm thành-hôn.

IX. — Áo vải thêu rồng

Nguyễn-Huệ đứng chủ-hôn cho Diệm và Xuân rồi, vẫn giữ vợ chồng làm bộ-tướng trực-thuộc dưới quyền mình chỉ-huy, hậu-dã tin dùng, có việc gì cũng bàn soạn, hỏi han, ủy-thác, xem thân mật hơn anh em ruột thịt. Chẳng trách hai người cảm tình tri-ngộ ấy, về sau tận-trung cho đến phút cuối cùng, hăng hái lấy sức một cột chống đỡ trời nghiêng và đền đáp ân sâu bằng cách chết rất hùng-tráng, rất bi-thảm.

Lúc ấy Tổng-phúc lập lại sai Tôn-thất Chất trở ra Quy-nhơn, đem lễ vật dâng Hoàng-tôn Dương, nhân tiện dò la thời-thắc Tây-sơn tiến binh đánh Trấn.

Nguyễn-Lữ đang trông nom chế tạo hơn trăm chiếc thuyền gáo xong; nhiều chiếc đã đặt thêu-công đại bạc lên trên và quân lính đã đem ra luyện tập thủy-chiến. Còn trên bộ thì hàng ngày Nguyễn-Huệ trần tực thao diễn kỵ-đội cùng bộ-binh. Nguyễn-Nhạc dẫn Tôn-thất Chất đi xem quang-cảnh rộn rục trên bờ dưới nước rồi nắm tay Chất và nói ra vẻ thành thực:

— Đây ngài xem, chúng tôi dự-bị ráo riết, nhất-định trong vòng hai tháng nữa thu xếp hoàn toàn thì đức Đông-cung hạ lệnh xuất sư, đồng-thời tiến công cả thủy lẫn bộ. Chẳng những thu phục kinh-dô Thuận-hoa, lại nó rớt hết tay quân Trấn, không cho một mòng nào chạy thoát về Bắc-hà.

(còn tiếp)

HỒNG PHONG

CÁC NGÀI NÊN DÙNG :

Dầu Hôi - Sinh

Trị chứng cảm sốt, nhức đầu, đau mình, vữa sụn
vừa uống vừa trị bách bệnh. Công hiệu như thần

NHÀ THUỐC THÁI-CỒ

52, HÀNG BẠC — HANOI

NÊN HÚT THUỐC LÁ

BASTOS

NGON, THƠM

Giá... .. 0\$49

Một phát hành :

PHƯƠNG - THANH

10 năm nay mới lại có một tập thơ này là tập thơ
này, in toàn giấy Tàu Ngọc Khuất, cực kỳ t.ang-nhã

Giá : 15p.80 (Bắc-kỳ)

TRIẾT - HỌC TẬP BÚT

những tư liệu mới đã bổ dưỡng thần trí

Giá : 3p.80 (Bắc-kỳ) — Bán đẹp 15p.00

Sang năm có bán :

KHÔNG - TỬ

HỌC-THUYẾT — I và II

Giá đặt mua từ giờ 200p—150p—80p—70p—5p—15p.

QUỐC-HỌC THƯ-XA

N° 16bis, TIEN-TSIN — HANOI

Dầu Nhi - Thiên

Trị bách bệnh. Mỗi xe 1500

NHI-THIÊN-DƯỜNG ĐƯỢC-PHÒNG

70, Phố hàng Bạc, Hanoi — Téléphone 849

Autorisé publication créée antérieurement à la
loi du 13 Décembre 1941

Edition hebdomadaire du Trung-Bac

Imprimé chez Trung-Bac
35, Boulevard Henri Orléans

Tirage... .. exemplaires

Certifié exact l'insertion

L'ADMINISTRATEUR GERANT: NG. ĐOÀN

CÁC BẠN TRẺ NÊN CÓ TRONG TỦ SÁCH :

Con lai (6) — Viên ngọc bầy mầu (7) — Viên
ngọc trai kỳ lạ (3) — Hai tháng vớ, đầu
mọi da dỏ (9) — Đôi hoa tai (10) — Con
chò đen của lão ăn mày mù (11) — Thủy
linh cung (12) — Ông già đời Nam-Hán (13)
KHUE VĂN, 64 Amiral Sènes — Hanoi

MÙA XUÂN CŨNG CÓ BỆNH...

Muốn vui xuân một cách mỹ mãn, không vướng
những bệnh nguy hiểm trong người thì nên lại hỏi

Đức Thọ Đường

181, Route de Huế — HANOI

Sẽ được thấy nhẹ nhõm, khoan-khoái trong
người và không phải lo gì tái-phát nữa

Ông già bà lão, đau lưng, mỏi gối
người ốm mới khỏi, tinh-thần mỗi-một
MAU UỐNG

THUỐC MẠNH ĐẠI-QUANG

Bán tại: 23, HÀNG NGANG HANOI — Giá mỗi : 805

CÁC GIA-ĐÌNH NÊN DÙNG THUỐC

ĐAU DẠ DẠY

HO GÀ

ĐIỀU-NGUYỄN

Tổng-cục : 123 Hàng Bông, Hanoi

Đại-ly khắp cõi Đông-pháp

Một phát hành :

KINH DỊCH

Một bộ sách cổ nhất Đông Phương
là nhất phẩm-loại

Tên bộ 5 cuốn dày ngót 2000 trang

Giấy thường 80p00

Giấy đỏ (hộp lụa) 75p00

Chức năng minh chứng được 100p.00 (chưa)

Phản trước gửi 5p00

Tên bộ sách phần gửi về :

NHÀ IN HAI-LINH — HANOI